SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
HỘI ĐỒNG THI
KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 10
THPT NĂM HỌC 2026-2027

Số: 126/TB-HĐTTS10

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 7 năm 2026

THÔNG BÁO
Kết quả phúc khảo bài thi
Kỳ thi tuyển sinh lớp 10 THPT năm học 2026-2027

Căn cứ kết quả chấm phúc khảo bài thi và Biên bản tổng kết chấm phúc khảo bài thi của Ban Phúc khảo Kỳ thi tuyển sinh lớp 10 THPT năm học 2026-2027, Hội đồng thi Kỳ thi tuyển sinh lớp 10 THPT năm học 2026-2027 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng thông báo kết quả phúc khảo bài thi Kỳ thi tuyển sinh lớp 10 THPT năm học 2026-2027 theo Phụ lục đính kèm./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch, các Phó CT HĐT;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Các trường THCS, THPT;
- Các trung tâm GDTX;
- Lưu: VT, BTK, HĐT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
TRƯỞNG BAN PHÚC KHẢO

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Mai Tấn Linh

Phụ lục

KẾT QUẢ PHÚC KHẢO BÀI THI KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2026-2027

(Kèm theo Thông báo số 126/TB-HĐTTS10 ngày 06/7/2026 của Hội đồng thi Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng)

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
1	00013	Trần Ngọc Bảo An	07/06/2011				Hoá học	6,75
2	00016	Đỗ Mai Hoài Anh	03/10/2011	8,00			Hoá học	6,38
3	00017	Đỗ Nguyễn Tuấn Anh	28/02/2011		7,50			
4	00027	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	06/02/2011	8,00			Toán	5,25
5	00032	Nguyễn Văn Huỳnh Anh	12/05/2011	7,00	7,50			
6	00036	Phan Tùng Anh	05/12/2011	5,25	7,75		Hoá học	4,75
7	00044	Nguyễn Mai Bảo Ân	15/10/2011	6,25				
8	00046	Trần Bảo Thiên Ân	28/10/2011		9,50		Toán	5,25
9	00055	Hồ Quốc Bảo	23/04/2011				Vật lí	5,38
10	00057	Lâm Gia Bảo	13/09/2011				Vật lí	5,50
11	00058	Lê Nguyễn Gia Bảo	19/09/2011	8,00		8,00		
12	00065	Nguyễn Huỳnh Gia Bảo	11/01/2011	6,75	9,00			
13	00068	Nguyễn Xuân Gia Bảo	10/10/2011				Vật lí	5,50
14	00075	Trần Thành Duy Bảo	18/05/2011				Hoá học	3,75
15	00077	Phạm Hoàng Bắc	21/12/2011				Toán	5,50
16	00083	Ngô Bảo Châu	06/01/2011		5,75		Vật lí	6,13
17	00109	Hồ Châu Gia Dũng	12/01/2011		6,75			
18	00111	Nguyễn Lê Đức Dũng	07/09/2011		7,00			

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
19	00116	Ông Hồ Quang Dũng	25/06/2011	7,00	7,50			
20	00119	Trần Mạnh Dũng	11/09/2011				Vật lí	5,50
21	00134	Đinh Quang Đại	07/04/2011	8,00	8,00		Tin học	3,10
22	00155	Lê Huỳnh Tâm Đoan	07/04/2011			8,25		
23	00157	Đặng Minh Đức	04/08/2011		8,75			
24	00182	Trà Thanh Hải	08/07/2011	7,75			Vật lí	5,38
25	00201	Phạm Quốc Hậu	02/06/2011		9,50		Toán	5,00
26	00227	Phan Huy Hoàng	27/05/2011				Hoá học	6,25
27	00238	Huỳnh Đức Huy	24/03/2011		8,50			
28	00244	Ngô Như Huy	09/03/2011				Hoá học	6,88
29	00254	Phạm Nhật Huy	14/11/2011	6,25	8,00		Vật lí	6,63
30	00267	Trần Vũ Gia Huy	17/08/2011				Tin học	4,24
31	00273	Bùi Văn Hưng	23/10/2011	7,50	8,50	9,25		
32	00275	Đỗ Châu Hưng	07/08/2011		7,25			
33	00277	Lê Minh Hưng	08/12/2011		8,75		Hoá học	6,63
34	00282	Nguyễn Phúc Hưng	23/09/2011	7,00				
35	00289	Trần Nguyễn Gia Hưng	19/09/2011	6,50				
36	00295	Võ Mạnh Kha	05/07/2011	7,00				
37	00302	Hoàng Minh Khang	13/11/2011				Toán	4,50
38	00324	Dương Ngọc Minh Khánh	09/06/2011		8,75	8,50		
39	00328	Lê Quốc Khánh	18/02/2011	7,25	8,75	9,25		
40	00349	Nguyễn Đăng Khoa	10/02/2011	5,75		8,25		

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
41	00358	Phạm Nguyên Khoa	11/05/2011	6,75				
42	00369	Lê Văn Đăng Khôi	12/04/2011		8,00			
43	00378	Võ Như Khôi	03/09/2011		8,25		Toán	3,50
44	00398	Dương Hải Lam	30/08/2011	7,75			Hoá học	6,75
45	00416	Lê Hồng Trúc Linh	14/02/2011	7,50	8,75	8,50		
46	00417	Luyện Trần Phương Linh	07/06/2011		8,25		Toán	4,00
47	00426	Huỳnh Vũ Long	16/02/2011	7,25	8,50			
48	00437	Nguyễn Gia Lộc	12/04/2011	6,75	8,50		Toán	6,00
49	00444	Nguyễn Huyền Mai	20/05/2011				Toán	4,75
50	00446	Võ Ngọc Triệu Mai	11/11/2011		9,25			
51	00451	Đặng Quang Minh	29/12/2011		7,75			
52	00453	Đinh Tuấn Minh	11/11/2011	6,50				
53	00454	Đỗ Hải Minh	27/01/2011		8,50			
54	00456	Hồ Nhật Minh	14/05/2011	7,75	7,25			
55	00462	Ngô Thị Ánh Minh	22/06/2011		8,50	8,25		
56	00486	Văn Phú Hoàng My	23/09/2011			6,75	Vật lí	4,88
57	00495	Nguyễn Nhật Nam	26/07/2011				Vật lí	3,88
58	00501	Nguyễn Phước Thanh Nga	10/06/2011	7,50	8,75			
59	00509	Trương Khánh Ngân	08/07/2011	7,75	8,75			
60	00512	Lê Nghi	26/03/2011	7,25		9,00	Toán	5,50
61	00513	Phạm Phương Nghi	12/03/2011				Vật lí	3,25
62	00515	Đặng Trung Nghĩa	18/06/2011	7,50	8,25			

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
63	00521	Nguyễn Đặng Minh Ngọc	31/08/2011				Toán	5,25
64	00522	Nguyễn Khánh Ngọc	18/04/2011	8,50	9,50		Toán	5,00
65	00532	Đoàn Khôi Nguyên	12/03/2011	7,50	8,00			
66	00538	Ngô Hoàng Nguyên	22/10/2011	7,00				
67	00551	Võ Thị Vi Nguyên	30/04/2011	6,50	5,75			
68	00564	Bùi Minh Nhật	23/06/2011	6,25	8,75		Toán	5,75
69	00572	Nguyễn Nguyên Ngọc Nhi	03/05/2011	8,25	8,00			
70	00581	Nguyễn Phương Bảo Nhiên	28/12/2011		7,25			
71	00583	Hồ Quỳnh Như	10/05/2011	7,50	7,50			
72	00596	Giang Thanh Phong	13/05/2011				Vật lí	4,13
73	00603	Bùi Ngọc Phú	17/02/2011		7,75			
74	00620	Ôn Gia Phúc	12/02/2011	3,75	7,00			
75	00645	Đỗ Thiên Quang	18/08/2011				Vật lí	5,25
76	00650	Quách Đăng Quang	18/08/2011	7,75	8,25	8,75		
77	00651	Trần Phan Hồng Quang	23/10/2011				Toán	4,75
78	00655	Mai Khánh Quân	30/10/2011	6,75	6,50			
79	00668	Phan Thục Quyên	12/04/2011	8,50	7,75			
80	00673	Nguyễn Thế Sang	09/09/2011		7,75	9,00		
81	00694	Nguyễn Quang Thanh	02/04/2011				Toán	4,50
82	00708	Bùi Khánh Thiện	05/06/2011				Toán	4,75
83	00709	Đoàn Phước Thiện	10/03/2011				Toán	4,75
84	00711	Nguyễn Trần Thiện	15/08/2011		8,25			

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
85	00713	Trương Tấn Thiện	08/11/2011				Toán	4,25
86	00714	Bùi Duy Thịnh	09/09/2011				Toán	4,75
87	00729	Lê Phạm Anh Thư	21/08/2011	7,50	8,50	9,00		
88	00746	Nguyễn Quang Minh Toàn	24/08/2011		8,00			
89	00754	Hồ Bảo Trân	29/07/2011	7,50	7,75			
90	00776	Trần Hoàng Quốc Trung	25/03/2011	6,50				
91	00780	Phan Tấn Tú	15/10/2011		8,00			
92	00782	Huỳnh Bá Tuân	12/02/2011		9,25		Toán	5,50
93	00784	Hoàng Đình Tuấn	28/11/2011				Hoá học	6,38
94	00785	Lê Anh Tuấn	04/08/2011	7,50	8,50			
95	00792	Nguyễn Đình Tùng	28/05/2011		6,50			
96	00811	Huỳnh Minh Trí Viên	08/06/2011		7,50			
97	00818	Lưu Thế Vinh	13/06/2011		7,75		Hoá học	4,25
98	00825	Mai Văn Võ	13/06/2011	7,75	9,25		Toán	5,50
99	00841	Nguyễn Mai Chi	15/08/2011			9,25	Toán	5,75
100	00854	Nguyễn Hữu Phan An	10/03/2011	6,75	8,50			
101	00865	Nguyễn Mai Anh	25/02/2011				Lịch sử	4,88
102	00867	Nguyễn Quỳnh Anh	22/10/2011	6,75	7,75			
103	00875	Lê Cao Hải Âu	07/07/2011	6,50				
104	00876	Nguyễn Xuân Bách	08/11/2011	7,50	8,50			
105	00892	Bùi Giáng Nhân Châu	28/09/2011	7,25	7,25	7,75		
106	00909	Đinh Phùng Ngọc Diệp	30/04/2011	7,50				

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
107	00914	Phùng Ngọc Diệp	19/09/2011	8,00			Tiếng Anh	5,35
108	00924	Ngô Ngọc Ái Duyên	27/09/2011	7,00	8,00			
109	00929	Phan Linh Đan	09/10/2011	8,25			Tiếng Anh	5,00
110	00935	Vũ Nguyễn Phước Đăng	03/09/2011		7,50			
111	00937	Nguyễn Hà Minh Đức	10/05/2011	7,75	7,75			
112	00940	Nguyễn Dung Ngân Giang	21/01/2011	8,00	8,00	9,00		
113	00947	Lê Cát Mỹ Hà	16/01/2011		7,00			
114	00955	Đinh Thị Mỹ Hạnh	10/08/2011	7,50	6,50	9,00		
115	00958	Bùi Phước Gia Hân	03/03/2011	8,00			Tiếng Anh	4,80
116	00972	Nguyễn Cao Bảo Hân	18/06/2011				Lịch sử	5,00
117	00977	Trần Gia Hân	24/01/2011				Tiếng Anh	5,30
118	01006	Lê Công Tuấn Huy	01/05/2011	6,00				
119	01013	Nguyễn Văn Gia Huy	03/06/2011	7,50	8,00			
120	01026	Nguyễn Cảnh Hưng	17/11/2011				Tiếng Anh	4,55
121	01036	Phan Lê Minh Khải	25/11/2011		7,25			
122	01065	Bùi Vân Khánh	14/08/2011	7,50			Tiếng Anh	5,95
123	01070	Lưu Gia Khánh	23/02/2011		6,25			
124	01076	Trần Nam Khánh	18/08/2011	6,50	8,50			
125	01079	Phạm Lê Gia Khiêm	25/11/2011		6,25			
126	01083	Đoàn Ngọc Anh Khoa	23/10/2011				Tiếng Anh	4,60
127	01089	Nguyễn Hoàng Khoa	08/04/2011		8,75		Tiếng Anh	5,30
128	01090	Nguyễn Lê Việt Khoa	13/03/2011	8,00				

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
129	01092	Võ Anh Khoa	01/01/2011	8,00		9,50		
130	01093	Võ Nguyên Khoa	15/05/2011	7,75	7,75			
131	01102	Văn Vĩ Khôi	04/09/2011	7,00				
132	01104	Đinh Ngọc Khuê	24/06/2011				Tiếng Anh	5,20
133	01113	Mai Thiệu Kỳ	17/02/2011		7,25	9,25		
134	01124	Nguyễn Yến Linh	14/04/2011		7,00		Tiếng Anh	5,90
135	01137	Nguyễn Huỳnh Long	24/07/2011	7,50	6,00	8,50		
136	01166	Nguyễn Tâm Tuệ Minh	31/01/2011	5,25			Tiếng Anh	6,25
137	01168	Phạm Đắc Quốc Minh	07/06/2011	8,00	8,25	9,00		
138	01171	Trần Võ Hồng Minh	20/04/2011	6,50	7,75		Tiếng Anh	5,25
139	01182	Nguyễn An Nam	22/02/2011	7,00	7,50		Tiếng Anh	3,00
140	01183	Nguyễn Quốc Bảo Nam	01/10/2011		6,50			
141	01184	Trần Khánh Nam	14/12/2011	6,50	5,75			
142	01201	Lê Nguyễn Đông Nghi	16/07/2011	7,50	7,50		Lịch sử	5,38
143	01205	Nguyễn Gia Nghị	18/07/2011		7,75			
144	01210	Nguyễn Dương Khánh Ngọc	09/02/2011				Tiếng Anh	5,55
145	01211	Nguyễn Hoàng Khánh Ngọc	02/04/2011	7,75			Lịch sử	5,75
146	01224	Nguyễn Nhật Nguyên	09/07/2011				Tiếng Anh	5,80
147	01229	Phạm Phúc Nguyên	11/12/2011		8,25	8,75		
148	01233	Võ Xuân Khôi Nguyên	26/02/2011				Tiếng Anh	4,35
149	01252	Nguyễn Hoàng An Nhiên	25/12/2011	5,75		8,00		
150	01264	Nguyễn Ngọc Hoàng Phong	23/10/2011		7,50			

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
151	01279	Vũ Trần Thiên Phúc	20/07/2011	7,50	7,25			
152	01296	Nguyễn Ngô Đăng Quân	20/06/2011		8,50		Tiếng Anh	5,20
153	01314	Nguyễn Lê Đan Quỳnh	14/12/2011		5,00		Tiếng Anh	4,35
154	01325	Phạm Tuấn Tài	11/10/2011	7,25	8,00		Tiếng Anh	5,05
155	01334	Trần Thanh Thảo	17/07/2011		6,00			
156	01340	Lê Vũ Uyên Thi	21/09/2011	7,75				
157	01341	Trần Nguyễn Quỳnh Thi	29/12/2011	5,50	7,75			
158	01352	Hoàng Anh Thư	04/09/2011	8,25				
159	01354	Ngô Anh Thư	27/10/2011	7,00	8,75			
160	01355	Nguyễn Hà Bảo Thư	28/09/2011		7,50			
161	01366	Nguyễn Đình Thủy Tiên	15/11/2011	7,50				
162	01377	Nguyễn Thị Thuỳ Trang	09/11/2011	6,75				
163	01387	Nguyễn Hoàng Bảo Trân	26/08/2011	7,50		9,25		
164	01422	Lê Ngọc Thu Uyên	30/09/2011		6,00			
165	01426	Nguyễn Trần Nhã Uyên	16/02/2011		7,00			
166	01427	Nguyễn Trần Phương Uyên	18/03/2011		7,00			
167	01430	Đoàn Công Việt	05/01/2011	7,50	7,75			
168	01438	Nguyễn Ngọc Vũ	26/07/2011	7,00	8,50			
169	01524	Phan Thị Thái An	30/03/2011				Sinh học	5,25
170	01530	Hoàng Trần Trúc Anh	19/10/2011		6,75	4,50		
171	01532	Huỳnh Tống Đức Anh	20/08/2011		7,50	9,75		
172	01540	Nguyễn Phương Anh	18/08/2011	8,00	5,50	8,75		

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
173	01548	Phan Tường Anh	30/09/2011	8,50				
174	01558	Trần Thị Thanh Ân	16/08/2011		3,75			
175	01559	Lê Xuân Bách	18/09/2011		8,50		Sinh học	6,13
176	01560	Đinh Ngọc Gia Bảo	02/09/2011			8,25	Sinh học	6,13
177	01563	Ngô Thị Khánh Bình	18/04/2011				Địa lí	4,38
178	01576	Đinh Khánh Chi	12/10/2011	8,00	7,50			
179	01579	Thái Ngọc Lan Chi	12/06/2011				Sinh học	6,63
180	01580	Trần Nguyễn Yến Chi	10/01/2011	8,50	6,50		Ngữ văn	5,50
181	01585	Nguyễn Thùy Diễm	10/05/2011		7,75			
182	01588	Phạm Doanh Doanh	03/10/2011	6,50	5,75			
183	01612	Nguyễn Đăng Trà Giang	14/06/2011				Sinh học	5,13
184	01623	Tăng Trần Thiên Hà	15/02/2011	7,50	6,50	6,00		
185	01630	Nguyễn Phạm Thanh Hằng	09/05/2011				Sinh học	6,25
186	01631	Phạm Trân Nguyệt Hằng	08/03/2011				Sinh học	5,75
187	01638	Lê Nguyễn Gia Hân	25/03/2011				Ngữ văn	4,75
188	01639	Lê Phạm Bảo Hân	29/03/2011				Ngữ văn	5,75
189	01648	Phan Như Bảo Hân	06/05/2011				Ngữ văn	2,00
190	01655	Ngô Công Hậu	09/01/2011		6,50	8,50		
191	01658	Lê Thị Thu Hiếu	22/10/2011				Địa lí	6,50
192	01670	Trần Đặng Quang Huy	15/07/2011				Sinh học	6,13
193	01673	Văn Thị Thanh Huyền	30/11/2011				Ngữ văn	4,50
194	01700	Lê Võ Minh Khánh	28/11/2011				Sinh học	5,50

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
195	01717	Bùi Minh Bảo Khuê	13/08/2011		8,00			
196	01721	Nguyễn Thị Khánh Khuê	12/07/2011				Ngữ văn	5,00
197	01729	Hà Phúc Bảo Lâm	01/02/2011	8,25				
198	01742	Lương Ngọc Mai Linh	22/10/2011	7,25			Sinh học	6,88
199	01746	Nguyễn Ngọc Phương Linh	05/08/2011	8,25				
200	01755	Trần Khánh Linh	03/08/2011				Ngữ văn	4,50
201	01768	Trần Thị Phương Mai	21/12/2011	7,00				
202	01772	Võ Thị Mộc Miên	25/02/2011				Sinh học	6,13
203	01776	Nguyễn Phạm Tiến Minh	04/08/2011	8,00	8,00	9,25		
204	01779	Trương Công Minh	02/03/2011				Sinh học	6,13
205	01780	Trương Công Minh	13/02/2011	6,75			Tin học	4,42
206	01788	Nguyễn Thị Li Na	10/05/2011			8,75	Địa lí	6,38
207	01794	Nguyễn Thiên Nga	25/04/2011				Địa lí	5,63
208	01796	Hà Hoàng Ngân	15/06/2011		7,50		Sinh học	5,63
209	01801	Nguyễn Lê Kim Ngân	21/09/2011		8,75	8,00		
210	01815	Huỳnh Trần Song Ngọc	25/11/2011	8,75	7,00			
211	01826	Nguyễn Quang Giáng Ngọc	13/07/2011	9,00	7,00		Ngữ văn	6,00
212	01834	Vũ Khánh Ngọc	18/05/2011				Địa lí	6,25
213	01837	Đặng Hữu Nguyên	19/12/2011	5,75	9,00			
214	01843	Nguyễn Anh Khánh Nguyên	07/09/2011				Sinh học	6,38
215	01844	Nguyễn Đỗ Thảo Nguyên	24/03/2011	8,75	7,25	9,00		
216	01845	Nguyễn Hồ Thảo Nguyên	03/02/2011		6,50			

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
217	01849	Nguyễn Thị Minh Nguyên	09/09/2011				Địa lí	5,50
218	01876	Nguyễn Thục Nhi	27/04/2011	8,00				
219	01877	Nguyễn Vũ Phương Nhi	29/10/2011	8,75	6,00		Sinh học	3,38
220	01889	Lương Ngọc Quỳnh Như	20/11/2011	8,25				
221	01899	Võ Kiều Như	10/07/2011		7,00			
222	01910	Trịnh Thiên Phú	12/10/2011	5,25	2,75			
223	01915	Trần Viết Hoàng Phúc	08/12/2011	6,75				
224	01927	Mai Huy Quang	02/10/2011				Tin học	0,00
225	01957	Đinh Xuân Thanh	19/06/2011	7,25	7,75	6,50		
226	01965	Lê Hữu Thắng	02/08/2011		5,75			
227	01979	Hồ Hoàng Minh Thư	09/08/2011	7,50				
228	01982	Huỳnh Ngọc Anh Thư	11/08/2011		8,25	9,25		
229	01984	Lê Anh Thư	24/05/2011			7,25		
230	01988	Nguyễn Viết Đan Thư	02/08/2011	8,25	7,50		Ngữ văn	3,50
231	01991	Trần Nguyễn Minh Thư	11/08/2011	7,75				
232	01999	Nguyễn Tạ Minh Thy	30/03/2011				Ngữ văn	5,75
233	02000	Nguyễn Trần Khánh Thy	02/12/2011		5,50			
234	02001	Phạm Ngọc Khánh Thy	10/02/2011	8,00			Địa lí	6,00
235	02003	Trần Phạm Hà Tiên	17/08/2011				Ngữ văn	5,00
236	02009	Trần Quỳnh Trang	29/10/2011	8,25	7,75			
237	02017	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	24/11/2011		8,00			
238	02018	Nguyễn Thái Bảo Trân	01/07/2011				Ngữ văn	5,50

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
239	02021	Trần Nam Trân	15/05/2011	7,75	6,75		Ngữ văn	4,50
240	02024	Châu Quang Trí	06/03/2011		7,75			
241	02032	Lê Na Thanh Trúc	26/03/2011	8,00	7,75			
242	02033	Ngô Thị Thanh Trúc	30/10/2011				Địa lí	6,38
243	02045	Đặng Lê Minh Tùng	09/05/2011	7,50	8,00		Sinh học	7,13
244	02047	Nguyễn Hữu Thanh Tùng	09/04/2011				Tin học	0,80
245	02064	Nguyễn Phương Uyên	25/02/2011	7,50	8,75			
246	02078	Nguyễn Văn Nam Vương	27/02/2011	8,00	6,75		Địa lí	5,00
247	02079	Hoàng Nhật Vy	21/03/2011	7,75			Ngữ văn	4,50
248	02083	Phan Ngọc Phương Vy	04/03/2011	7,75				
249	02100	Trần Thị Thu Tâm	08/12/2011	7,25	7,75			
250	02121	Hồ Nguyên Thảo	29/01/2011		6,50			
251	02127	Lê Thị Thanh Thảo	31/03/2011		7,50			
252	02195	Phan Thị Minh Thư	11/05/2011		8,25			
253	02215	Nguyễn Trần Khánh Thy	27/02/2011	8,00	7,25			
254	02229	Nguyễn Quốc Tiến	30/03/2011	7,00				
255	02277	Nguyễn Bảo Trân	25/12/2011	7,75	5,75	8,50		
256	02278	Nguyễn Đỗ Bảo Trân	06/02/2011	8,25				
257	02284	Phạm Phan Bảo Trân	01/04/2011	6,00	8,25			
258	02294	Trần Công Trí	30/07/2011		7,00			
259	02296	Nguyễn Minh Triết	02/12/2011	7,50	8,50			
260	02317	Nguyễn Thành Trung	12/04/2011	6,75	8,50			

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
261	02356	Tưởng Phan Minh Tùng	02/11/2011	7,25	8,75			
262	02358	Đặng Xuân Tuyền	29/06/2011	7,00				
263	02388	Trịnh Bảo Uyên	21/03/2011	8,00	8,25			
264	02410	Hứa Nhật Vy	25/01/2011		5,25			
265	02411	Khuu Trần Phương Vy	24/03/2011	7,00	7,50			
266	02422	Nguyễn Trần Phương Vy	22/07/2011		7,50			
267	02454	Trương Gia Hân	17/06/2011		6,75	7,00		
268	02458	Trần Gia Huy	07/04/2011	6,00		7,75		
269	02463	Nguyễn Văn Đăng Khoa	07/03/2011			5,50		
270	02493	Nguyễn Thế Trung	15/02/2011	5,50	6,75			
271	02520	Lương Thiện Nhân	15/09/2011	7,75	8,25			
272	02524	Nguyễn Thành Nhân	08/08/2011	6,50	8,25			
273	02542	Lê Lâm Nhi	04/04/2011	8,75	6,75			
274	02544	Lê Uyển Nhi	24/02/2011		8,25			
275	02595	Nguyễn Tố Như	22/11/2011	8,75	7,50			
276	02596	Phạm Lê Bảo Như	16/11/2011	9,00		9,75		
277	02598	Phan Bảo Như	05/03/2011		8,00			
278	02647	Võ Gia Phúc	21/04/2011		7,25			
279	02649	Võ Trung Phúc	17/09/2011	7,75	7,75			
280	02657	Đỗ Mai Phương	26/03/2011			8,50		
281	02681	Bùi Anh Quân	14/02/2011	7,00	8,25			
282	02684	Đoàn Hoàng Quân	30/05/2011	7,75	7,25			

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
283	02698	Nguyễn Đình Hoàng Quân	26/07/2011	6,25	6,50			
284	02748	Bùi Đăng Tài	09/05/2011		8,50			
285	02776	Phan Văn Thiên An	03/06/2011		8,00			
286	02786	Đinh Trương Trâm Anh	29/05/2011		7,50			
287	02790	Hoàng Nguyễn Nhật Anh	01/01/2011		8,00	8,75		
288	02792	Hồ Nam Anh	09/10/2011	6,75	8,50			
289	02796	Lê Bá Minh Anh	24/01/2011		5,50			
290	02797	Lê Hồng Anh	11/04/2011	6,25	8,50			
291	02798	Lê Phương Anh	04/10/2011	8,00	7,50	9,50		
292	02814	Nguyễn Nguyên Anh	27/09/2011		7,00			
293	02823	Nguyễn Việt Anh	05/09/2011		6,75			
294	02825	Phạm Minh Anh	14/04/2011	7,75	7,75			
295	02842	Võ Hoàng Mai Anh	10/09/2011		5,00			
296	02851	Hồ Hạ Ân	24/12/2011		8,00			
297	02856	Trần Thiện Ân	04/02/2011		5,50			
298	02862	Lê Hoàng Bách	22/04/2011	6,75				
299	02882	Nguyễn Đăng Bảo	15/07/2011	7,75	8,75			
300	02890	Nguyễn Huỳnh Duy Bảo	20/05/2011	7,75				
301	02892	Nguyễn Phan Ngọc Bảo	13/09/2011		8,25			
302	02893	Nguyễn Phi Bảo	05/07/2011		8,50	9,00		
303	02898	Phạm Đình Lê Gia Bảo	30/04/2011		7,50			
304	02900	Phùng Đình Gia Bảo	11/07/2011		8,25			

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
305	02907	Trần Thái Gia Bảo	31/08/2011	7,50		8,75		
306	02909	Trương Quang Chí Bảo	11/06/2011	7,00	8,50	6,50		
307	02917	Đặng Lê Khải Bình	25/12/2011	5,75	6,50	8,25		
308	02922	Thái Gia Bình	07/11/2011		8,25			
309	02928	Đỗ Ngọc Bảo Châu	09/02/2011	8,50				
310	02944	Phan Nguyễn Bảo Châu	30/03/2011	8,50	7,00	9,25		
311	02945	Tạ Khánh Băng Châu	05/01/2011	7,00				
312	02953	Hoàng Diệp Chi	27/04/2011	8,25	7,00			
313	02956	Hà Thanh Chương	01/05/2011		7,00			
314	02966	Lê Thanh Thiên Di	30/04/2011	8,75	7,50	9,25		
315	02993	Lê Tấn Dũng	28/05/2011	7,50	7,00	9,25		
316	02996	Võ Văn Trí Dũng	19/10/2011	7,00	8,00			
317	03000	Lê Đức Duy	29/09/2011		8,25			
318	03010	Nguyễn Cao Mỹ Duyên	27/03/2011	8,25		8,25		
319	03014	Mai Thùy Dương	29/06/2011	8,00				
320	03020	Trần Ánh Dương	10/05/2011		6,50			
321	03023	Lê Sỹ Đan	07/10/2011		8,25			
322	03034	Lê Hữu Đạt	26/03/2011		7,75			
323	03052	Đặng Quang Đức	23/10/2011		8,25			
324	03064	Nguyễn Thuỳ Ella	11/12/2011		7,00			
325	03071	Nguyễn Hoàng Giang	08/08/2011	6,50				
326	03087	Nguyễn Hoàng Ngân Hà	30/11/2011	8,25	7,25			

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
327	03090	Nguyễn Ngọc Hà	04/05/2011	8,25	8,00			
328	03091	Nguyễn Phạm Thanh Hà	23/05/2011	7,75				
329	03093	Nguyễn Thị Ngân Hà	11/02/2011		7,75			
330	03106	Nguyễn Thanh Hải	06/08/2011	8,00	7,25			
331	03117	Đặng Ngọc Gia Hân	26/03/2011		8,50			
332	03119	Đinh Ngọc Gia Hân	31/10/2011		6,75	9,00		
333	03122	Hà Phan Ngọc Hân	10/09/2011	7,00	4,00			
334	03128	Lê Ngọc Hân	30/07/2011	7,25	5,25	9,25		
335	03129	Lê Nguyễn Bảo Hân	16/05/2011	7,75				
336	03131	Lê Nguyễn Gia Hân	18/02/2011	7,00	8,75	9,25		
337	03156	Phan Đoàn Bảo Hân	03/07/2011	7,75	5,00	7,25		
338	03171	Lê Thị Thanh Hiền	31/03/2011		6,50	7,25		
339	03184	Sử Duy Quang Hiếu	23/12/2011	7,25	7,75			
340	03185	Trần Ngọc Hiếu	28/05/2011	7,25				
341	03201	Nguyễn Hữu Hoàng	09/01/2011		8,25			
342	03203	Nguyễn Ngọc Hoàng	01/01/2011	8,00	8,25	9,00		
343	03224	Lê Đình Huy	15/01/2011	7,75	8,50			
344	03228	Ngô Ngọc Huy	22/11/2011	7,25	7,75			
345	03232	Nguyễn Đình Bảo Huy	01/01/2011		8,00			
346	03233	Nguyễn Đức Anh Huy	14/03/2011	7,50		9,00		
347	03241	Phạm Nhất Huy	08/09/2011	5,75	7,00			
348	03250	Văn Phú Huy	24/11/2011	7,75	8,75			

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
349	03259	Tô Bảo Khánh Huyền	31/01/2011		6,75			
350	03263	Đoàn Duy Hưng	15/09/2011	7,75	5,75			
351	03266	Kim Phạm Gia Hưng	24/12/2011		8,75	9,50		
352	03276	Phạm Hoàng Khánh Hưng	31/03/2011	7,50	8,75			
353	03279	Trần Gia Hưng	25/10/2011	7,75	8,50	8,50		
354	03281	Trần Lê Khải Hưng	16/04/2011	7,50	8,50			
355	03286	Nguyễn Lê Mai Hương	14/08/2011		7,75			
356	03287	Nguyễn Ngọc Dạ Hương	07/06/2011	8,00				
357	03291	Trần Gia Hy	10/10/2011	7,00				
358	03300	Đặng Hữu Khang	24/11/2011		6,00			
359	03303	Hà Phước Duy Khang	06/08/2011	6,75				
360	03304	Hồ Trần Vĩnh Khang	23/11/2011	7,75	8,25	9,25		
361	03308	Lê Nguyên Khang	28/12/2011	7,75	8,00	9,25		
362	03329	Trần Công Khang	13/05/2011	5,75	6,25			
363	03332	Trần Phước Minh Khang	22/10/2011	7,75	8,00			
364	03347	Nguyễn Vy Khanh	14/06/2011	7,75	8,50			
365	03349	Phạm Huyền Khanh	20/12/2011	7,50	5,00	8,75		
366	03366	Nguyễn Nam Khánh	20/06/2011		6,75	7,00		
367	03367	Nguyễn Nam Khánh	31/03/2011	7,75	7,50			
368	03383	Đỗ Nguyên Đăng Khoa	28/03/2011	7,50				
369	03390	Lê Văn Anh Khoa	23/03/2011		7,50			
370	03392	Nguyễn Bảo Đăng Khoa	15/05/2011	7,25	8,75	9,25		

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
371	03393	Nguyễn Bùi Huy Khoa	04/12/2011	7,50		9,25		
372	03399	Nguyễn Phạm Minh Khoa	12/03/2011		8,00			
373	03413	Lê Anh Khôi	26/03/2011		6,75	8,75		
374	03415	Lê Tường Khôi	15/07/2011		7,75			
375	03418	Nguyễn Mai Khôi	30/10/2011	7,00				
376	03424	Võ Xuân Nguyên Khôi	25/09/2011		7,75	9,25		
377	03443	Nguyễn Bá Kiệt	04/06/2011	7,75	8,50			
378	03462	Đặng Công Phúc Lâm	10/08/2011		4,75			
379	03464	Đoàn Ngọc Lâm	19/09/2011	7,25	7,25	7,50		
380	03477	Nguyễn Kim Liên	20/07/2011		7,75			
381	03487	Hoàng Phương Linh	08/09/2011	7,50	6,25			
382	03497	Nguyễn Anh Khánh Linh	15/10/2011	7,75	6,50			
383	03520	Đỗ Phú Hoàng Long	09/06/2011	7,25	8,75	8,75		
384	03533	Nguyễn Văn Lộc	28/03/2011		7,00			
385	03538	Nguyễn Tiến Lực	23/08/2011		7,75			
386	03558	Huỳnh Hiểu Minh	18/10/2011		8,25	9,50		
387	03559	Huỳnh Lê Quang Minh	28/06/2011	7,75	7,75			
388	03561	Lê Gia Minh	25/03/2011	7,50	8,75			
389	03572	Nguyễn Ngọc Minh	11/02/2011	7,25	7,75			
390	03597	Nguyễn Thoại My	15/01/2011			9,50		
391	03598	Phạm Ngô Trúc My	25/09/2011	7,75	8,00			
392	03630	Lê Kim Ngân	06/04/2011		8,00			

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
393	03643	Trần Đinh Hải Ngân	16/03/2011	8,25	7,75			
394	03646	Võ Như Kim Ngân	25/03/2011		7,25			
395	03666	Đặng Hoàng Bảo Ngọc	20/12/2011	7,25	8,00			
396	03673	Lại Vũ Minh Ngọc	05/05/2011		8,25			
397	03675	Lê Bảo Ngọc	23/02/2011		8,00			
398	03680	Lê Mỹ Khánh Ngọc	26/06/2011		7,00			
399	03689	Nguyễn Bảo Ngọc	04/10/2009	7,75				
400	03696	Nguyễn Phạm Kim Ngọc	16/04/2011	8,25	7,25			
401	03706	Tôn Nữ Bảo Ngọc	11/03/2011		7,25			
402	03708	Trần Nguyễn Bảo Ngọc	18/06/2011	8,00				
403	03711	Vũ Khánh Ngọc	22/06/2011		7,75	9,25		
404	03733	Trần Ngọc Khánh Nguyên	26/04/2011	7,50	8,25			
405	03748	Nguyễn Ngọc Phước An	27/06/2011	7,00	7,75	8,25		
406	03771	Lê Quang Tuấn Anh	30/08/2011		7,00			
407	03783	Nguyễn Thị Trâm Anh	09/05/2011	6,25	4,75	7,00		
408	03800	Hoàng Bình Gia Bảo	25/03/2011		7,75			
409	03802	Nguyễn Đinh Nguyên Bảo	24/10/2011	6,75				
410	03830	Vũ Diệp Chi	21/09/2011	6,50	6,50			
411	03843	Nguyễn Tuấn Dũng	18/09/2011	6,75	8,50			
412	03882	Phan Thị Trà Giang	08/04/2011	7,25	7,50	8,00		
413	03899	Nguyễn An Đan Hân	22/01/2011	8,00	6,75			
414	03934	Trương Đoàn Minh Hoàng	04/05/2011	6,50	7,00			

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
415	03971	Lê Nguyễn Khánh Huyền	04/05/2011		7,25			
416	04009	Nguyễn Nam Khánh	13/08/2011	6,00	8,50			
417	04027	Nguyễn Lê Khoa	17/03/2011		6,25			
418	04051	Nguyễn Gia Kiên	16/07/2011	8,00	6,25			
419	04099	Trần Triệu Bảo Linh	17/01/2011	7,25				
420	04111	Võ Văn Gia Long	28/07/2011		7,25			
421	04139	Vũ Ngọc Quang Minh	30/04/2011	7,00				
422	04176	Nguyễn Kim Gia Nghi	21/06/2011	7,50	5,25	8,25		
423	04179	Nguyễn Minh Nghĩa	11/03/2011	6,25	7,75			
424	04196	Nguyễn Như Bảo Ngọc	01/04/2011	6,00				
425	04230	Nguyễn Công Long Nhật	30/06/2011		6,50			
426	04236	Hồ Hoàng Quỳnh Nhi	15/10/2011		8,25			
427	04250	Trần Yến Nhi	30/11/2011	8,25	5,75	8,00		
428	04252	Võ Nguyễn Phương Nhi	11/06/2011	7,25	5,75			
429	04261	Nguyễn Ngọc Khánh Như	16/06/2011		5,50			
430	04262	Nguyễn Ngọc Tố Như	27/09/2011		7,75			
431	04301	Huỳnh Nguyễn Lan Phương	09/03/2011	7,75				
432	04312	Lê Văn Nhật Quang	24/07/2011		6,75			
433	04364	Nguyễn Thị Phương Thảo	11/10/2011	5,50				
434	04366	Thái Lê Thanh Thảo	03/09/2011	8,75	6,75			
435	04372	Đoàn Thế Hữu Thiên	23/01/2011	6,00	7,00	7,75		
436	04392	Đoàn Anh Thư	08/09/2011		6,50			

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
437	04397	Phạm Anh Thư	01/01/2011	6,25		9,25		
438	04416	Hoàng Thị Thủy Tiên	26/11/2011	7,25				
439	04434	Đặng Huyền Trâm	30/08/2011		5,50			
440	04441	Phan Đặng Bảo Trâm	08/06/2011		7,25			
441	04444	Hồ Ngọc Bảo Trân	06/07/2011		6,50	5,75		
442	04467	Lê Duy Trung	29/06/2011		8,00			
443	04472	Lê Trần Anh Tú	20/09/2011	7,25	7,00	8,75		
444	04492	Phạm Thị Cát Tường	07/05/2011	7,25	7,50	8,25		
445	04508	Đoàn Viên	12/08/2011		8,25	8,00		
446	04518	Kiều Nguyễn Bảo Vy	02/08/2011		7,00			
447	04520	Lê Hoàng Khánh Vy	29/10/2011		6,00			
448	04521	Lê Ngọc Tường Vy	22/02/2011	8,25	5,75			
449	04522	Ngô Hoàng Lê Vy	18/12/2011	7,50	8,25			
450	04571	Phạm Hoàng Khánh An	14/11/2011		3,50			
451	04573	Trần Viết Minh An	07/06/2011	6,75	7,00			
452	04574	Trịnh Hoài An	11/11/2011	7,00				
453	04584	Hoàng Vân Anh	27/12/2011	5,50				
454	04595	Nguyễn Đức Anh	09/09/2011	5,50				
455	04608	Phạm Nguyễn Quỳnh Anh	04/08/2011	7,75	6,50			
456	04639	Huỳnh Tri Phúc Bảo	08/11/2010		6,00			
457	04654	Nguyễn Hữu Gia Bảo	01/08/2011			5,50		
458	04656	Nguyễn Phi Gia Bảo	26/11/2011	5,75	4,25	5,75		

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
459	04661	Thái Tăng Quốc Bảo	26/07/2011	5,25	8,00	7,50		
460	04667	Trần Ngọc Bảo	22/11/2011	6,25	7,75	9,25		
461	04675	Huỳnh Thanh Bích	27/09/2011		7,00			
462	04691	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	12/11/2011		1,75			
463	04724	Hồ Lê Anh Duy	28/07/2011	7,00	7,75			
464	04726	Nguyễn Hoàng Duy	05/06/2011	7,50	5,75			
465	04747	Bùi Nhã Đan	09/02/2011	6,75				
466	04771	Bùi Quang Đức	27/05/2011	4,50	5,25			
467	04781	Nguyễn Trà Giang	06/03/2011	7,00		6,25		
468	04811	Đoàn Ngọc Hân	19/12/2011	7,25	6,25			
469	04823	Lương Ngọc Bảo Hân	04/02/2011	7,25				
470	04831	Nguyễn Lê Đoan Hân	24/06/2011	7,75				
471	04850	Trần Hoàng Bảo Hân	30/11/2011		3,25			
472	04858	Lê Trần Minh Hiền	20/07/2011	4,50	5,75	7,00		
473	04860	Phan Quốc Minh Hiển	11/02/2011		6,25			
474	04868	Trần Đình Hiếu	22/10/2011	4,75	8,00			
475	04888	Lê Phước Gia Huy	26/05/2011		4,75			
476	04892	Nguyễn Gia Huy	24/04/2011	5,00	4,50			
477	04897	Phạm Minh Huy	20/02/2011		6,25			
478	04934	Hoàng Gia Khang	30/09/2011	7,25	6,25			
479	04955	Vũ Trọng Khang	24/09/2011	5,50	3,25			
480	05002	Nguyễn Mộng Đăng Khoa	22/04/2011	6,25	5,50			

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
481	05004	Phạm Hồ Mạnh Khoa	21/09/2011	7,75	7,75	8,25		
482	05044	Phan Song Thiên Kim	16/04/2011			7,25		
483	05051	Nguyễn Thy Mi Lan	03/06/2011	6,00		8,75		
484	05064	Hà Linh	03/09/2011	7,50	4,50	4,50		
485	05070	Mai Nguyễn Phương Linh	09/03/2011	8,00	5,50	8,25		
486	05100	Trần Nguyên Luân	02/07/2011	6,50	8,25			
487	05127	Trần Bình Minh	10/05/2011	6,75	5,75			
488	05151	Đinh Phạm Hoàng Nam	09/10/2011		7,00	6,75		
489	05156	Nguyễn Phạm Bảo Nam	22/08/2011	7,25	8,00			
490	05162	Trần Hải Nam	18/09/2011	7,00				
491	05172	Lê Ngọc Khánh Ngân	13/07/2011		5,25			
492	05177	Nguyễn Phan Thanh Ngân	06/04/2011	7,50				
493	05191	Nguyễn Phạm Tuấn Nghĩa	13/11/2011		7,75			
494	05195	Hồ Nguyễn Bảo Ngọc	07/01/2011	7,50	6,75	6,50		
495	05196	Huỳnh Minh Bảo Ngọc	15/03/2011	6,25	6,00			
496	05200	Lê Hoài Bảo Ngọc	04/05/2011		6,00	4,00		
497	05223	Đỗ Trọng Nguyên	11/03/2011	6,50	7,50	3,00		
498	05250	Nguyễn Hoàng Thiện Nhân	24/04/2011	5,00	2,75			
499	05271	Nguyễn Ngọc Phương Nhi	12/10/2011	6,00	4,25			
500	05298	Trương Quỳnh Như	22/05/2011	6,75				
501	05315	Nguyễn Đình Nam Phong	04/05/2011	7,00				
502	05319	Trần Đình Phong	19/09/2011	6,50		8,50		

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
503	05326	Hồ Đắc Bảo Phúc	26/01/2011	7,00				
504	05333	Nguyễn Đoàn Hồng Phúc	27/04/2011	7,50				
505	05335	Nguyễn Thế Hoàng Phúc	20/09/2011			7,75		
506	05338	Nguyễn Văn Phúc	03/12/2011	7,50	6,00			
507	05339	Nguyễn Văn Thiên Phúc	05/08/2011	7,00	7,25			
508	05356	Lê Vũ Hà Phương	05/07/2011	7,25	5,75			
509	05375	Đỗ Văn Huy Quang	17/11/2011			7,25		
510	05376	Hoàng Trần Tiến Quang	28/04/2011	6,50	6,00			
511	05379	Đinh Hà Đông Quân	26/10/2011		8,00	7,50		
512	05396	Ngô Hoàng Bảo Quyên	07/11/2011	7,75	6,00	7,75		
513	05415	Trần Đăng Thái Sơn	07/10/2011	6,75		8,50		
514	05417	Nguyễn Huy Phương Tài	12/03/2011		3,50	5,00		
515	05445	Trần Thị Như Thảo	28/11/2011		4,00	6,50		
516	05460	Cao Hoàng Phúc Thịnh	05/08/2011		6,25	8,75		
517	05461	Đặng Phúc Thịnh	03/06/2011	6,50	3,75	5,25		
518	05463	Huỳnh Gia Thịnh	07/06/2011	4,25	5,50	8,00		
519	05470	Phan Minh Tuấn Thịnh	27/07/2011	6,00	8,00	7,25		
520	05493	Nguyễn Thị Anh Thư	05/06/2011	7,25	7,50			
521	05513	Nguyễn Trần Mai Thy	28/08/2011		6,00	4,75		
522	05517	Phan Hoàng Hạ Thy	05/07/2011	8,00	7,50	7,00		
523	05551	Lê Thị Thùy Trâm	30/01/2011		4,50			
524	05606	Nguyễn Tấn Trường	01/09/2011		7,50			

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
525	05655	Nguyễn Nhã Văn	24/07/2011	7,50				
526	05664	Đặng Thái Vinh	21/06/2011	7,00	7,25			
527	05688	Nguyễn Phương Thùy Vy	08/07/2011	4,00	7,75			
528	05707	Nguyễn Thị Ngọc An	25/06/2011		7,00			
529	05759	Phạm Ngô Ngọc Diệp	14/11/2011		7,75			
530	05767	Lê Tôn Tiến Duy	15/07/2011		6,50			
531	05774	Lê Thị Mỹ Duyên	27/04/2011	8,25	7,00			
532	05797	Phạm Ngọc Trà Giang	18/01/2011		6,50			
533	05803	Hoàng Minh Hà	02/01/2011	7,25				
534	05814	Nguyễn Nam Hãn	15/09/2011	5,50	8,50			
535	05820	Trần Thị Nguyệt Hằng	24/09/2011		7,50			
536	05836	Nguyễn Phước Hiển	03/01/2011		8,25			
537	05868	Phùng Lê Gia Huy	14/07/2011		3,00			
538	05910	Đoàn Văn Khoa	11/03/2011		7,25			
539	05920	Lê Nhật Khôi	23/11/2011		7,25			
540	05927	Nguyễn Trung Kiên	11/11/2011		6,00			
541	05932	Lê Quốc Kim	10/12/2011		6,75	8,50		
542	05935	Đỗ Tùng Lâm	17/01/2011	6,25	5,75			
543	05997	Đỗ Phú Nghĩa	11/05/2011	6,50	7,50			
544	06046	Nguyễn Đặng Quỳnh Như	03/05/2011	7,50				
545	06069	Nguyễn Thanh Phúc	21/10/2011		7,75			
546	06085	Phạm Kiều Phương	29/04/2011		7,00			

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
547	06104	Phạm Như Quỳnh	20/10/2011		6,75	9,00		
548	06122	Lê Hữu Thắng	04/03/2011		6,25			
549	06131	Nguyễn Tấn Thịnh	08/02/2011	7,00				
550	06132	Lê Văn Thọ	23/06/2011	7,25	7,25	8,00		
551	06135	Đặng Ngọc Thục	20/09/2011	7,25				
552	06139	Hồ Ngọc Anh Thư	18/04/2011		7,50			
553	06162	Phùng Quốc Toàn	19/08/2011	7,00	7,75			
554	06168	Võ Minh Trang	30/03/2011	7,75	6,75			
555	06170	Hồ Thị Bảo Trâm	19/06/2011		6,50			
556	06193	Bùi Trần Minh Tú	26/03/2011	6,75		9,00		
557	06217	Nguyễn Thị Đông Uyên	09/08/2011	6,75	6,50			
558	06243	Bùi Văn Thanh	01/06/2011	3,00	3,25			
559	06260	Lê Đoàn Thanh Thảo	21/10/2011		3,25			
560	06328	Nguyễn Anh Thư	04/07/2011	4,50	3,25			
561	06392	Phùng Thùy Trâm	25/10/2011	5,75	1,75			
562	06412	Trương Ngọc Trí	16/07/2011	5,25	4,25	2,75		
563	06439	Hồ Anh Tú	22/06/2011		3,00			
564	06441	Lê Phan Anh Tú	06/06/2011	5,00	1,75	5,75		
565	06444	Nguyễn Hoàng Cẩm Tú	21/02/2011	5,50	3,75	3,25		
566	06453	Nguyễn Minh Tuấn	03/12/2011	6,50	2,75	2,50		
567	06457	Phạm Anh Tuấn	18/07/2011		4,75			
568	06517	Bùi Đàm Tường Vy	22/03/2011		2,75			

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
569	06526	Lê Đào Phương Vy	05/09/2011	7,50				
570	06559	Trần Thị Như Ý	01/06/2011		3,25			
571	06565	Nguyễn Thị Phi Yến	20/04/2011	7,25	2,25			
572	06596	Ngô Quỳnh Anh	17/06/2011	2,75		6,75		
573	06600	Nguyễn Minh Anh	08/12/2011		2,00			
574	06611	Phạm Ngọc Hoàng Anh	21/09/2011	5,75	3,00	7,00		
575	06661	Phạm Đình Bảo Châu	22/11/2011	4,00				
576	06668	Hồ Đắc Nam Cường	25/09/2011	5,75				
577	06673	Lê Thành Danh	18/10/2011	4,00				
578	06698	Mai Ngọc Thanh Duy	18/04/2011	3,50	4,75	9,50		
579	06933	Nguyễn Mai Tiểu Hương	27/11/2011		2,75			
580	06958	Phan Tuấn Khanh	17/06/2011	4,00	2,00			
581	06963	Lê Chỉ Duy Khánh	04/07/2011	5,00	3,25			
582	07006	Đinh Vương Kiệt	13/06/2011	3,50	2,25	3,00		
583	07030	Nguyễn Thượng Hoàng Lân	03/08/2011	3,50	1,50	7,75		
584	07038	Đoàn Tường Linh	15/05/2011			4,75		
585	07040	Lê Phan Hồng Linh	30/06/2011	5,25	4,00	2,25		
586	07074	Nguyễn Vũ Đình Long	23/07/2011		3,50			
587	07081	Tăng Phúc Lợi	20/11/2011	2,25	3,00	7,50		
588	07097	Châu Ngọc Hoàng Minh	29/04/2011	4,75	2,50			
589	07108	Trần Gia Minh	16/10/2011	5,75	2,00	3,25		
590	07129	Mai Trần Thị Vi Na	07/03/2011		3,50	2,75		

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
591	07143	Trần Đức Bảo Nam	08/03/2011		3,75			
592	07152	Huỳnh Ngọc Kim Ngân	11/03/2011	5,50	2,50			
593	07154	Huỳnh Trọng Kiều Ngân	07/07/2011	6,00	3,25			
594	07155	Lê Trần Kim Ngân	21/10/2011	4,25	2,25	5,00		
595	07242	Nguyễn Thành Nhân	18/02/2011	6,75	3,00			
596	07286	Mai Thị Nhung	29/06/2011		3,50			
597	07369	Nguyễn Thị Hà Phương	26/02/2011	6,00	2,75			
598	07477	Nguyễn Diệp Anh	21/06/2011	6,50	6,50	8,25		
599	07493	Nguyễn Châu Ánh	27/02/2011		3,75			
600	07494	Trần Ngọc Ánh	06/12/2011	4,75				
601	07540	Phạm Thị Mộc Châu	17/04/2011	7,00		9,00		
602	07546	Huỳnh Lê Quỳnh Chi	25/12/2011		2,75	5,75		
603	07579	Võ Quốc Duy	18/03/2011	5,50	5,25			
604	07590	Nguyễn Thùy Dương	09/09/2011	5,75	3,75			
605	07706	Nguyễn Huy Hoàng	06/05/2011		4,50	5,50		
606	07716	Võ Thanh Huy Hoàng	06/09/2011	5,75	3,25	4,25		
607	07790	Hồ Minh Khang	25/11/2011		3,25			
608	07947	Mai Hoàng My	29/09/2011	4,25				
609	07973	Phùng Thị Quỳnh Nga	15/07/2011	4,50	6,75	5,25		
610	08045	Nguyễn Hồng Nhật	03/01/2011		3,25			
611	08063	Phan Thị Yến Nhi	09/04/2011	4,00	3,00	4,25		
612	08103	Phạm Hồ Hồng Phi	11/09/2011	7,25				

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
613	08116	Lê Thị Thanh Phúc	24/08/2011		4,75			
614	08238	Lê Ngọc Thiện	07/09/2011		5,00	5,00		
615	08277	Nguyễn Minh Thư	18/12/2011		4,50			
616	08346	Trương Thanh Bảo Trân	23/10/2011	7,50	5,25			
617	08357	Nguyễn Võ Phương Trinh	22/06/2011	5,75	2,00			
618	08358	Võ Ngọc Đoan Trinh	11/11/2011	5,25	2,50	6,25		
619	08419	Mai Bảo Uyên	25/04/2011	5,50	3,50	7,25		
620	08462	Đỗ Phương Bảo Vy	26/09/2011		5,25			
621	08470	Lê Thị Thảo Vy	10/12/2011	5,75	3,25			
622	08525	Nguyễn Phúc Nhã An	26/04/2011	6,25				
623	08534	Đặng Nữ Hoàng Anh	28/09/2011	7,75				
624	08571	Phan Quỳnh Anh	17/10/2011	8,25	5,75	8,75		
625	08594	Hồ Gia Bảo	16/09/2011	7,00				
626	08598	Huỳnh Ngọc Gia Bảo	07/04/2011	3,50	2,50			
627	08622	Phạm Gia Bảo	22/01/2011	6,75		8,50		
628	08626	Trần Tấn Gia Bảo	28/06/2011	5,25	6,25	8,00		
629	08648	Mai Huỳnh Kim Châu	01/06/2011	7,00		8,25		
630	08649	Ngô Thị Bảo Châu	26/07/2011	5,50		3,50		
631	08662	Trần Bảo Châu	11/11/2011	5,25	3,50			
632	08709	Huỳnh Tấn Dũng	04/05/2011	3,25	3,75	5,00		
633	08783	Phạm Xuân Phú Đạt	03/02/2011	4,00	2,00	4,75		
634	08829	Vũ Thị Thu Hà	16/05/2011	6,75				

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
635	08888	Tán Huỳnh Kim Hân	08/09/2011	5,25	1,50			
636	08916	Nguyễn Văn Tình	04/07/2011	5,00	2,00			
637	08923	Trần Minh Toàn	14/03/2011		6,25			
638	08932	Lại Thuỳ Thu Trang	27/03/2011		6,50			
639	08968	Đặng Ngọc Bảo Trân	01/08/2011	6,00	3,75	3,75		
640	08969	Hoàng Thị Mai Trân	03/05/2011		4,75	6,25		
641	09081	Nguyễn Thị Ngọc Tuyết	17/03/2011	6,75	3,75	4,75		
642	09106	Trần Thị Bảo Uyên	10/09/2011		4,50			
643	09123	Ngô Hoàng Quốc Việt	10/05/2011		6,25	5,75		
644	09134	Phan Thành Vinh	02/10/2011	5,00				
645	09148	Phạm Văn Duy Vũ	03/11/2011	5,75	2,25	5,00		
646	09170	Nguyễn Trương Phương Vy	19/12/2011	5,00	2,00	5,75		
647	09239	Ngô Văn Phúc	16/03/2011	4,25	3,50			
648	09244	Nguyễn Minh Phúc	28/09/2011	7,00	1,25	4,75		
649	09266	Huỳnh Thanh Phương	21/11/2011	4,25	3,00	5,75		
650	09291	Trần Thanh Nhật Quang	23/03/2011	5,50	2,50	6,00		
651	09295	Huỳnh Vũ Minh Quân	24/02/2011	7,50	6,50			
652	09315	Trần Anh Quốc	15/12/2011	6,50	7,25	5,75		
653	09333	Lý Diễm Quỳnh	01/06/2011	5,00	3,00	2,75		
654	09376	Trần Lê Ái Tâm	29/07/2011		4,50			
655	09391	Nguyễn Phương Thanh	03/02/2011	6,75	6,50			
656	09402	Phạm Tấn Thành	16/11/2011	6,00	8,00			

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
657	09433	Đặng Phạm Bảo Thi	01/09/2011	7,25				
658	09438	Dương Phước Thiện	28/03/2011	5,00	4,00			
659	09452	Huỳnh Ngọc Thịnh	16/10/2011		4,50			
660	09453	Huỳnh Phước Thịnh	27/08/2011		3,50	4,75		
661	09508	Trần Anh Thư	22/02/2011	6,75	7,00	8,50		
662	09520	Tô Đoàn Hoài Thương	01/10/2011		2,50			
663	09532	Thái Khánh Thy	07/11/2011	7,25				
664	09578	Nguyễn Đăng Lộc	30/04/2011		5,25			
665	09623	Nguyễn Tấn Hoàng Minh	01/01/2011	5,75	6,00			
666	09648	Trần Kỳ Mỹ	18/08/2011	6,00	2,75	4,25		
667	09661	Nguyễn Hải Nam	07/02/2011	7,75		6,50		
668	09672	Nguyễn Thị Tố Nga	07/06/2011	6,00	2,00			
669	09679	Đặng Thanh Ngân	03/06/2011	6,25				
670	09697	Nguyễn Thị Kim Ngân	22/11/2011	6,75	4,75	6,00		
671	09734	Phạm Như Khánh Ngọc	08/02/2011	5,25	2,75			
672	09775	Trần Hoa Hải Nguyên	25/02/2011		1,25			
673	09824	Lê Uyên Nhi	23/06/2011	6,25				
674	09836	Nguyễn Trần Bảo Nhi	17/08/2011			3,75		
675	09846	Lê Bảo Hạ Nhiên	20/02/2011	5,50				
676	09853	Huỳnh Như	11/11/2011		7,50	8,00		
677	09983	Trần Phước Huy	11/11/2011		7,25			
678	10009	Phạm Tuấn Hưng	29/05/2011	4,75	3,00	6,25		

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
679	10024	Võ Minh Khải	14/05/2011	6,00	5,50			
680	10032	Huỳnh Phúc Khang	05/10/2011		6,50			
681	10081	Huỳnh Đăng Khoa	01/02/2011		7,50			
682	10095	Nguyễn Phạm Đăng Khoa	16/08/2011	7,00	7,00			
683	10116	Mai Võ Nguyên Khôi	19/09/2011	5,75	3,25	4,00		
684	10135	Huỳnh Trung Kiên	03/11/2011	5,50	2,75	5,00		
685	10136	Nguyễn Công Chí Kiên	11/02/2011		2,50	5,75		
686	10183	Nguyễn Phương Linh	15/07/2011	4,50				
687	10211	Vũ Bảo Anh	05/01/2011	4,00	1,25			
688	10228	Ngô Quốc Bảo	23/07/2011	4,00	1,00			
689	10312	Nguyễn Văn Khánh Duy	18/05/2011	4,25	6,25			
690	10349	Nguyễn Công Đạt	05/10/2010	3,75	1,75	4,75		
691	10354	Trần Tuấn Đạt	15/11/2011	5,00	2,00	5,50		
692	10370	Đinh Thị Kiều Giang	04/09/2011	4,25	3,50	5,50		
693	10392	Nguyễn Thành Hải	16/10/2011	4,00	2,00	6,50		
694	10434	Nguyễn Phú Hoà	18/04/2011	3,50	4,50			
695	10446	Nguyễn Chánh Hoàng	04/11/2011	4,50		6,00		
696	10515	Ngô Ngọc Phúc Khang	28/06/2011	5,00	3,75	4,50		
697	10534	Nguyễn Thành Gia Khánh	01/12/2011	6,00		5,75		
698	10711	Hoàng Minh Thiện	01/10/2011	5,50		5,50		
699	10713	Nguyễn Phước Thiện	04/11/2011		1,75	5,25		
700	10739	Doãn Thị Mỹ Thoa	04/04/2011	4,75	3,25	3,75		

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
701	10868	Hồ Đình Trọng	19/11/2011	5,50		5,25		
702	10893	Nguyễn Phi Trường	01/12/2011	4,00	4,00			
703	10961	Phạm Bảo Việt	20/06/2011		5,00			
704	11079	Phạm Nam	08/07/2011	4,50	4,00	5,25		
705	11109	Đặng Công Nghĩa	14/07/2011	3,25	4,00	6,25		
706	11162	Vũ Hoàng Nhân	13/08/2011	4,50	2,50			
707	11243	Nguyễn Ngọc Hoài Phong	13/03/2011	4,25	4,25	4,75		
708	11347	Trần Đức Sang	28/09/2011		3,25	4,25		
709	11370	Nguyễn Cao Tấn	21/11/2011		7,75			
710	11397	Nguyễn Hoàng Thiên	30/04/2011	5,50	3,75	4,25		
711	11402	Cao Đức Thiện	17/09/2011		2,75	5,50		
712	11492	Lê Thuỷ Tiên	09/08/2011	5,75		4,50		
713	11521	Lê Hà Kiều Trang	22/07/2011	4,00	5,25	4,00		
714	11523	Ngô Thị Quỳnh Trang	01/11/2011	3,00	4,00	5,50		
715	11579	Võ Quốc Trí	01/01/2011	5,00				
716	11639	Văn Đức Tùng	12/05/2011	4,50		6,75		
717	11647	Trần Duy Tường	09/03/2011	6,00	3,00			
718	11649	Nguyễn Hoàng Vũ Uy	10/07/2011	5,50	2,00	4,75		
719	11658	Lê Hoàng Bảo Uyên	27/09/2011	5,50	2,00	3,25		
720	11661	Nguyễn Ngô Kiều Uyên	07/06/2011	6,75	5,00	7,00		
721	11699	Đoàn Thanh Hoàng Vũ	15/11/2011	5,25	1,00	5,00		
722	11710	Nguyễn Phương Vy	12/01/2011	7,00				

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
723	11833	Tăng Bảo Bảo	11/02/2011	4,25	3,75	5,50		
724	11834	Trần Bùi Gia Bảo	02/03/2011	3,25	2,75	5,25		
725	11836	Trần Nguyễn Quang Bảo	22/10/2011	7,00	1,75	5,00		
726	11889	Hồ Đắc Duy	25/03/2011	7,00	3,75			
727	11896	Nguyễn Văn Duy	09/01/2011	4,00	3,00			
728	11930	Huỳnh Phúc Tiến Đạt	05/04/2011	5,00	3,50	4,75		
729	12040	Nguyễn Thị Mỹ Hiếu	20/11/2011	7,00	2,00	4,75		
730	12043	Trần Đình Hiếu	24/02/2011		4,00	5,75		
731	12060	Đinh Xuân Hoài	15/12/2011	4,75				
732	12061	Nguyễn Đình Nguyên Hoài	26/07/2011	6,00	3,00			
733	12089	Hoàng Bùi Chí Huy	03/11/2011	4,50	4,50	4,75		
734	12139	Bùi Thái Hưng	25/04/2011	6,50	1,50	5,00		
735	12140	Đặng Quang Hưng	06/09/2011		5,00	8,25		
736	12210	Lê Anh Khoa	11/09/2011	5,50	4,25	4,50		
737	12270	Hoàng Linh	01/01/2011	3,50	3,50	7,25		
738	12335	Phạm Nguyễn Thanh Ly	26/09/2011	2,75	1,25	5,50		
739	12397	Lê Bảo Ngân	19/06/2011	4,50	2,50	5,50		
740	12457	Lê Hoàng Kim Nguyên	13/01/2011		5,25			
741	12482	Phan Khôi Nguyên	28/08/2011		4,25			
742	12530	Nguyễn Ngọc Lan Nhi	18/06/2011	6,75		4,75		
743	12558	Bùi Thị Diễm Như	26/04/2011	5,50	2,00	4,00		
744	12573	Phạm Trần Khánh Như	28/10/2011	6,75	2,50	4,25		

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
745	12584	Châu Nguyễn Tấn Phát	06/05/2011	6,75	2,00	6,00		
746	12586	Nguyễn Thành Phát	02/07/2011	5,25	4,00	3,75		
747	12589	Vương Hữu Tấn Phát	19/12/2011	5,75	1,75	5,50		
748	12605	Nguyễn Bá Phúc	04/02/2011	4,00	1,25	7,50		
749	12611	Trương Nguyễn Bảo Phúc	11/06/2011	4,25	4,50	4,75		
750	12678	Nguyễn Tú Khánh Quỳnh	29/07/2011	6,00	2,25	6,25		
751	12710	Phạm Phương Thanh	25/06/2011		3,75	7,75		
752	12874	Trần Thị Diễm My	22/10/2011	5,75				
753	12911	Nguyễn Kim Bảo Ngân	29/12/2011	5,00	2,50	7,75		
754	12921	Phan Thị Kim Ngân	01/04/2011	5,50	3,00			
755	12934	Đàm Huỳnh Bảo Ngọc	22/10/2011		2,50			
756	13005	Lê Phan Trọng Nhân	21/05/2011	5,50	3,75	5,25		
757	13080	Nguyễn Thị Kim Oanh	24/02/2011		2,50	3,75		
758	13103	Nguyễn Triệu Phong	23/03/2011	4,75	7,50	5,75		
759	13129	Lê Hữu Phước	30/04/2011		4,75	4,75		
760	13177	Tô Minh Quân	04/09/2011	5,50	2,25	3,75		
761	13264	Đỗ Thị Thanh Thảo	19/06/2011	4,75		5,50		
762	13265	Hồ Thị Phương Thảo	05/02/2011	7,00	4,00			
763	13348	Nguyễn Ngọc Anh Thư	12/01/2011		4,50	4,00		
764	13416	Lê Thị Thu Tranh	18/03/2011	4,25	4,50			
765	13418	Đặng Lê Bảo Trâm	05/01/2011		3,75			
766	13452	Nguyễn Lê Bảo Trân	16/04/2011	5,75				

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
767	13454	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	21/10/2011	5,25				
768	13476	Hoàng Xuân Minh Triết	19/08/2011	5,50	4,25			
769	13510	Hoàng Hồ Chí Trung	27/04/2011	5,75	4,25	7,25		
770	13518	Nguyễn Thành Trung	29/01/2011		4,25			
771	13520	Trần Khánh Trung	23/04/2011	4,50	2,25	5,00		
772	13576	Nguyễn Gia Uy	30/05/2011	3,75				
773	13665	Hoàng Ngọc Yến	22/04/2011	6,25	4,25	3,25		
774	13690	Phạm Duy An	15/05/2011	5,50	2,50	5,25		
775	13696	Cao Đức Anh	16/10/2010		4,00			
776	13796	Phan Duy Bảo	16/01/2011	4,00	3,00	8,00		
777	13806	Trương Văn Bảo	20/03/2011		5,50			
778	13822	Hà Nguyễn Ngọc Trân Châu	09/08/2011		7,00	9,25		
779	13906	Hồ Thùy Duyên	23/02/2011		5,00	4,50		
780	13928	Phạm Hoàng Linh Đan	31/08/2011	5,75	2,25			
781	13978	Lê Thanh Giàu	17/10/2011		4,00			
782	14038	Trần Võ Ngọc Hân	07/12/2011	5,25	2,00	4,75		
783	14060	Nguyễn Hoàng Hiếu	16/06/2011	5,25				
784	14072	Võ Tấn Hiếu	09/12/2011	5,50	2,50	6,25		
785	14093	Phan Minh Hoàng	05/08/2011		1,00			
786	14126	Ngô Đình Huy	05/12/2011	5,25	5,25			
787	14168	Đoàn Lê Minh Hưng	30/10/2011	6,00	6,00	7,00		
788	14179	Phạm Minh Hưng	25/06/2011	4,50	3,00	5,75		

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
789	14195	Bùi Tuấn Khang	06/07/2011		2,50	3,75		
790	14223	Nguyễn Gia Khánh	27/05/2011	5,50	3,00	5,25		
791	14278	Hoàng Nguyễn Thế An	17/06/2011	5,00	2,00	4,50		
792	14324	Nguyễn Mai Lan Anh	05/03/2011		6,50			
793	14329	Nguyễn Thảo Minh Anh	16/04/2011			4,25		
794	14392	Nguyễn Vũ Bảo	24/01/2011		4,00	3,25		
795	14413	Trà Hoàng Băng	31/08/2011	7,75	6,25			
796	14439	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	20/10/2011		6,25	4,50		
797	14455	Lê Nguyễn Quốc Cường	15/08/2011		5,50	7,00		
798	14457	Phạm Phú Cường	04/03/2011	7,00				
799	14488	Nguyễn Hữu Duy	20/12/2011	6,00	6,00			
800	14505	Nguyễn Thu Duyên	07/04/2011	6,00	3,50	7,00		
801	14516	Nguyễn Ngọc Ánh Dương	02/10/2011	4,75		7,50		
802	14522	Lê Xuân Đại	08/09/2011		4,75			
803	14541	Lê Văn Đạt	23/05/2011	6,00				
804	14588	Hồ Mỹ Hà	26/03/2011		1,75	2,00		
805	14615	Hoàng Tấn Hào	29/06/2011		5,75			
806	14626	Lê Thị Thanh Hằng	15/07/2011	7,50		6,00		
807	14629	Phạm Hoàng Thiên Hằng	19/10/2011	7,00				
808	14658	Phạm Thùy Gia Hân	11/05/2011	7,00	4,25	5,50		
809	14662	Trần Đặng Minh Hân	04/05/2011		3,00			
810	14678	Phạm Thị Thu Hiền	03/06/2011		6,25	6,25		

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
811	14699	Trần Phước Hiếu	12/05/2011	5,50	5,25	6,75		
812	14707	Trần Đình Duy Hòa	23/06/2011	5,00	3,00	5,25		
813	14729	Trần Huỳnh Quốc Hoàng	05/06/2011		5,25			
814	14734	Nguyễn Văn Hoàng Hồng	28/04/2011		3,50	3,75		
815	14739	Bùi Khắc Gia Huy	12/07/2011	6,00				
816	14766	Nguyễn Bảo Gia Huy	05/06/2011	5,50	4,75	7,25		
817	14798	Võ Anh Huy	14/12/2011	3,75	3,75			
818	14804	Hồ Thị Khánh Huyền	09/08/2011		5,00	3,50		
819	14890	Nguyễn Trần Vân Khánh	09/06/2011		3,75			
820	14895	Trần Nam Khánh	22/07/2011	5,75	4,25	4,75		
821	14897	Trương Ngân Khánh	26/03/2011	6,00	5,00	4,00		
822	14899	Nguyễn Phan Tú Khâm	08/10/2011		4,50			
823	14910	Huỳnh Phạm Anh Khoa	13/08/2011	4,50	4,50			
824	14911	Lâm Quốc Anh Khoa	15/01/2011		1,75			
825	14929	Trần Quang Khoa	13/08/2011		1,50	5,50		
826	14937	Nguyễn Hoàng Khôi	25/10/2011		6,50			
827	14951	Đào Tuấn Kiệt	10/09/2011	5,50				
828	14969	Nguyễn Cao Bảo Lan	30/11/2011	7,75				
829	14981	Trương Văn Lâm	03/05/2011	7,25				
830	14992	Hồ Huỳnh Nhã Linh	22/01/2011	6,75				
831	15009	Nguyễn Quý Linh	17/10/2011	6,75	4,00	5,25		
832	15038	Phan Văn Long	26/01/2011	6,75	5,25			

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
833	15045	Lê Văn Lợi	15/01/2011		6,00			
834	15070	Nguyễn Hoàng Minh	09/06/2011		5,25	3,25		
835	15076	Phan Huỳnh Anh Minh	08/12/2011	7,75	3,25	6,00		
836	15084	Võ Quang Minh	18/05/2011	5,00	8,25			
837	15127	Lê Nguyễn Hoàng Ngân	09/11/2011	5,50	6,00			
838	15137	Nguyễn Trương Kim Ngân	23/02/2011		5,00			
839	15139	Phan Thuỵ Kim Ngân	06/05/2011	5,25				
840	15213	Nguyễn Trung Nguyên	24/07/2011	5,25	5,25			
841	15241	Nguyễn Thanh Nhân	23/01/2011	7,00	5,75			
842	15307	Hồ Nguyễn Khánh Như	07/12/2011	7,00	6,25			
843	15333	Nguyễn Trần Minh Phi	26/01/2011	6,25	4,50			
844	15365	Lê Vĩnh Phúc	23/07/2011	4,25	7,50	6,25		
845	15373	Nguyễn Thiên Phúc	17/06/2011	7,50				
846	15379	Vương Thái Phúc	25/05/2011	6,00	4,00			
847	15394	Trần Nguyễn Khánh Phương	10/12/2011		4,75	5,00		
848	15425	Trần Khánh Quân	16/10/2011		4,25			
849	15426	Võ Đình Minh Quân	12/04/2011		7,00	7,25		
850	15427	Võ Hoàng Quân	14/07/2011	5,25				
851	15487	Võ Chí Tài	15/09/2011		3,25	3,50		
852	15529	Trương Thị Thu Thảo	19/12/2010		3,75			
853	15563	Đặng Ngọc Tiến Thịnh	16/02/2011	7,00	5,75	4,75		
854	15589	Nguyễn An Gia Thuận	30/01/2011	6,50	5,75			

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
855	15618	Nguyễn Thụy Kiều Thư	19/02/2011	6,75	4,25	6,75		
856	15724	Võ Ngọc Bảo Trâm	29/01/2011	7,00				
857	15755	Lê Thái Minh Trí	14/10/2011	6,75				
858	15825	Nguyễn Quốc Tuấn	24/05/2011	5,50	4,25	4,00		
859	15863	Lê Nguyễn Phương Uyên	03/08/2011		2,75	7,00		
860	15873	Nguyễn Hồ Bảo Uyên	14/02/2011	7,00	1,00	7,25		
861	15878	Trịnh Minh Uyên	18/03/2011		4,75			
862	15941	Lê Thành Ý	07/12/2011	4,25		5,50		
863	15964	Huỳnh Phan Bình Nam	16/11/2011			6,75		
864	15984	Nguyễn Lê Bảo Ngân	15/01/2011	5,75	4,50			
865	15993	Trần Nguyễn Kim Ngân	02/04/2011	7,50				
866	15996	Nguyễn Tấn Nghị	12/08/2011	6,75	7,00			
867	16010	Phạm Lê Minh Ngọc	07/01/2011	6,50	4,00	3,50		
868	16026	Phan Thảo Nguyên	25/04/2011	6,75	5,25	5,50		
869	16058	Thái Thị Bích Nhi	05/11/2011	6,00	6,25			
870	16069	Đinh Bảo Như	21/09/2011		3,25	3,00		
871	16073	Nguyễn Phạm Quỳnh Như	10/03/2011		4,00	5,25		
872	16088	Hồ Xuân Phong	17/07/2011	4,00				
873	16097	Ngô Hồng Phúc	29/10/2011	6,50				
874	16121	Bùi Văn Quân	20/08/2011		2,00	5,75		
875	16122	Đặng Nguyễn Minh Quân	12/11/2011		3,25			
876	16130	Phạm Hồng Quân	30/12/2011	4,75				

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
877	16131	Phạm Văn Minh Quân	15/06/2011	5,25		5,75		
878	16134	Đặng Bảo Quyên	22/08/2011	4,25	5,75			
879	16136	Nguyễn Thị Mỹ Quyên	19/08/2011	6,25	5,25	3,25		
880	16167	Lê Hoàng Thanh Thanh	18/04/2011	6,00	7,00			
881	16169	Ngô Mậu Gia Thành	20/10/2011		6,50	5,00		
882	16217	Nguyễn Trần Anh Thư	03/04/2011		5,75			
883	16229	Lê Võ Ngọc Tiên	22/02/2011	6,25	6,25			
884	16261	Đoàn Lê Nhã Trân	06/12/2011	6,50	6,00			
885	16344	Trần Kim Văn	28/04/2011	6,00	8,00			
886	16376	Nguyễn Khánh Vy	16/10/2011	6,50				
887	16387	Đỗ Hồng Vỹ	08/12/2011	4,75	6,00	4,25		
888	16435	Nguyễn Ngọc Ánh	20/05/2011	8,00	6,25			
889	16474	Trần Đại Mỹ Châu	08/04/2011		5,25	5,50		
890	16489	Đào Ngọc Trang Diễm	27/08/2011	6,00		4,50		
891	16520	Hoàng Lâm Đan	10/10/2011	7,00	5,75			
892	16542	Mai Trần Thủy Giang	13/05/2011		6,25			
893	16549	Hồ Lê Ngọc Hà	12/08/2011	7,50	4,00	7,00		
894	16551	Nguyễn Ngân Hà	16/01/2011	7,50				
895	16708	Nguyễn Sĩ Kiên	20/04/2011		7,00			
896	16806	Đoàn Phước An	08/08/2011	6,25	8,25			
897	16807	Hà Bảo An	03/06/2011	6,00	3,00			
898	16875	Lê Hoàng Hồng Ân	17/01/2011	5,25				

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
899	16945	Ngô Ngọc Châu	27/01/2011	5,00	3,75	5,25		
900	16952	Phan Nguyễn Bảo Châu	10/09/2011		6,25			
901	17007	Nguyễn Đình Khánh Duy	11/06/2011	4,75				
902	17013	Phạm Anh Duy	14/11/2011	6,00		5,25		
903	17033	Lê Duy Đan	12/01/2011	3,75	4,25	6,00		
904	17073	Trần Hữu Gia	01/06/2011	3,75	2,00			
905	17077	Nguyễn Thanh Khánh Giang	20/10/2011	4,25	3,50	8,25		
906	17100	Đoàn Nhữ Hài	03/09/2011	3,50	4,25			
907	17111	Ngô Lê Gia Hạnh	10/05/2011	6,25				
908	17117	Phan Anh Hào	16/08/2011	4,75	5,25	7,25		
909	17126	Nguyễn Lê Mai Hằng	15/06/2011	5,50	4,50	7,00		
910	17157	Trần Ngọc Hân	27/02/2011	7,25				
911	17181	Trần Kiến Hoa	26/02/2011	7,00				
912	17184	Trần Quang Thái Hòa	25/08/2011		7,50	8,00		
913	17205	Tạ Huy Hoàng	26/07/2011	4,50				
914	17225	Lê Phạm Gia Huy	18/10/2011	5,75	3,25			
915	17277	Trương Thành Hưng	12/08/2011	4,00	6,00			
916	17282	Phan Xuân Hữu	11/01/2011	6,50	6,00	5,25		
917	17293	Nguyễn Gia Khải	21/11/2011	6,50	2,25	4,75		
918	17304	Ngô Minh Khang	27/09/2011	6,00	3,50			
919	17324	Phan Văn Tuấn Khang	26/05/2011		3,00			
920	17368	Đặng Hải Đăng Khoa	16/03/2011		3,75			

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
921	17398	Nguyễn Khôi	06/08/2011	5,75	4,25	6,00		
922	17403	Nguyễn Văn Anh Khôi	09/10/2011	4,25	4,50			
923	17404	Phạm Anh Khôi	24/03/2011	4,75	4,00	9,00		
924	17412	Nguyễn Lê Minh Kiên	24/08/2011	6,00	4,50	7,75		
925	17429	Ngô Đăng Lâm	06/07/2011		2,25	3,50		
926	17441	Lê Khánh Linh	01/09/2011		2,75			
927	17485	Nguyễn Thị Ngọc Ly	22/01/2011			4,75		
928	17571	Phan Thái Khánh Ngân	26/07/2011	6,00				
929	17593	Đỗ Nguyễn Minh Ngọc	23/12/2011	5,50		5,75		
930	17612	Trương Bảo Ngọc	22/12/2011	4,75	2,00			
931	17623	Lê Trung Nguyên	10/11/2011	5,75	4,25			
932	17725	Phan Nguyễn Thành Phát	29/10/2011		2,25			
933	17751	Nguyễn Quang Phúc	14/10/2011	5,25		5,00		
934	17765	Phạm Nguyễn Gia Phước	09/09/2011	6,75	3,50			
935	17821	Lê Ngọc Diễm Quỳnh	02/04/2011	7,50	4,00	5,50		
936	17829	Văn Ngọc Diễm Quỳnh	05/03/2011	7,50	7,00			
937	17868	Phan Hồng Thanh	23/12/2011	4,75	4,25			
938	17874	Huỳnh Phạm Ngọc Thành	30/10/2011	5,50	1,75	6,25		
939	17887	Hồ Quyết Thắng	19/10/2011	6,75	6,25			
940	17891	Nguyễn Hữu Thắng	10/09/2011		3,00			
941	17897	Võ Anh Thiên	07/02/2011	5,25				
942	17900	Huỳnh Phúc Thiện	11/09/2011	6,75	6,50	7,50		

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
943	17908	Phan Dương Gia Thiện	20/06/2011		6,75	5,75		
944	17924	Phan Hoàng Khiếu Thịnh	21/03/2011	6,00		6,25		
945	17927	Trương Công Nhật Thịnh	05/09/2011	5,75		5,75		
946	17978	Đinh Hàng Thủy Tiên	16/10/2011	4,50	3,50			
947	18041	Đỗ Thành Trí	09/01/2011	6,00				
948	18055	Nguyễn Đỗ Phương Trinh	04/12/2011			5,00		
949	18059	Nguyễn Thiều Phương Trinh	06/08/2011	6,50	4,00	7,00		
950	18076	Phan Quang Trường	23/07/2011	3,50	3,75			
951	18088	Lưu Anh Tuấn	27/09/2011	6,75	8,50			
952	18092	Nguyễn Trần Anh Tuấn	09/04/2011		5,00			
953	18130	Nguyễn Trần Bảo Uyên	18/05/2011	6,25	3,50	4,75		
954	18166	Trần Quang Vũ	31/03/2011	5,00	2,75			
955	18616	Lê Trần Khánh Nguyên	26/06/2011		4,00			
956	19008	Trần Văn Quốc Huy	12/12/2011	4,50	4,50	3,50		
957	19091	Lê Trần Hoàng Ngân	20/02/2011	6,25	2,50	4,00		
958	19177	Nguyễn Đỗ Thiện Thành	10/10/2011	5,75	2,00	3,25		
959	19191	Trần Thị Diệu Thoa	21/09/2011	6,00				
960	19214	Nguyễn Huỳnh Cảnh Tiến	23/10/2011	5,00				
961	19225	Võ Nguyễn Đoan Trang	24/10/2011	5,25				
962	19239	Lê Thị Thanh Trúc	26/10/2011	5,50	2,00	5,50		
963	19241	Trần Thị Thanh Trúc	17/06/2011	4,25	2,75	6,00		
964	19272	Phạm Thị Vỹ	04/03/2011	5,25	3,75	4,00		

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
965	19320	Nguyễn Huỳnh Tấn Đức	10/08/2011	5,00	3,75	4,00		
966	19429	Hồ Nguyễn Phước Nam	19/06/2011	4,50	2,50	4,25		
967	19431	Lê Hoàng Nam	07/12/2011	3,25	3,00	6,25		
968	19539	Nguyễn Phương Ánh Trang	29/05/2011	4,00	3,50			
969	19562	Trần Huy Tường	28/09/2011	5,00	4,25			
970	20073	Đặng Minh Ánh	11/06/2011	5,25	3,25	5,00		
971	20480	Phan Nguyễn Thiện Dân	31/07/2011		0,50			
972	20866	Phạm Quốc Danh	21/03/2011	2,50	0,00	2,75		
973	20886	Nguyễn Phan Ngọc Duy	02/11/2011	2,50	0,75	2,50		
974	20919	Nguyễn Tiến Đạt	25/11/2011	2,50		1,75		
975	20930	Nguyễn Công Đức	03/04/2011	0,50	1,50	3,75		
976	21216	Lê Phạm Trà My	08/03/2011	2,00				
977	21273	Nguyễn Lê Bảo Ngọc	27/06/2011	1,75	0,75			
978	21339	Huỳnh Nguyễn Minh Như	20/09/2011	4,00	2,00	3,75		
979	21355	Nguyễn Duy Nhựt	10/09/2011	2,50	0,25	1,25		
980	21381	Lê Bá Gia Phúc	25/08/2011		0,75	1,00		
981	21423	Nguyễn Lê Ngọc Quý	23/05/2011	0,50	0,75			
982	21463	Văn Qúy Trọng Tài	25/09/2011	3,25	2,75	3,25		
983	21473	Trần Minh Tâm	06/07/2011	2,00	1,00	3,00		
984	21500	Trần Huỳnh Bảo Thi	02/02/2011	2,25				
985	21609	Đinh Lê Huyền Trang	24/03/2011	2,50	1,25	1,50		
986	21646	Huỳnh Hữu Trí	01/08/2011	2,75	0,75	1,25		

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
987	21866	Trương Ngọc Trường Giang	12/08/2011	1,50	0,25	2,50		
988	21911	Trương Thanh Hoàng	30/06/2011	2,00	0,50			
989	22000	Nguyễn Văn Linh	13/03/2011	2,00				
990	22239	Ngô Thị Thủy Tiên	05/06/2011	1,25	0,50	2,75		
991	22426	Nguyễn Tiến Đạt	13/04/2011	1,75	0,75	1,50		
992	22450	Võ Đăng Hải	17/05/2011	3,50	1,00	0,75		
993	22589	Lý Hoàng Linh	15/06/2011	1,75	0,75	2,00		
994	22766	Trịnh Nguyễn Hoàng Phúc	30/08/2011	2,00		2,00		
995	23060	Phan Đỗ Bảo Châu	26/08/2011	4,50				
996	23072	Nguyễn Hữu Doanh	31/07/2011	2,25	2,00	5,50		
997	23093	Võ Nguyễn Khánh Đạt	19/10/2011		2,75	1,75		
998	23135	Nguyễn Thị Thu Hiếu	10/09/2011	4,25	2,75	3,75		
999	23150	Tăng Viết Hồng	26/11/2011	3,25				
1000	23162	Nguyễn Chánh Huy	26/05/2011	4,00	2,50	3,25		
1001	23195	Hà Đức Nhật Khánh	08/07/2011	3,50	2,50	3,00		
1002	23212	Nguyễn Trọng Khoa	01/05/2011	3,75	2,25			
1003	23256	Trương Công Mạnh	28/10/2011	6,00	1,25	3,75		
1004	23313	Nguyễn Bảo Hoàng Nhân	16/09/2011	1,25	0,75			
1005	23326	Lê Nguyễn Yến Nhi	06/08/2011		1,75			
1006	23374	Nguyễn Thị Phúc	12/02/2011	4,25	2,50			
1007	23403	Võ Văn Song	03/10/2011	3,75	1,25	6,00		
1008	23411	Nguyễn Văn Tài	11/09/2011	2,50	2,00	3,00		

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
1009	23455	Trần Phước Gia Thịnh	13/04/2011	3,50	2,50	3,50		
1010	23486	Lê Minh Toàn	20/02/2011	3,75	0,75	4,25		
1011	23489	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	12/06/2011		2,00	3,25		
1012	23503	Đặng Văn Minh Trí	20/03/2011	2,75	2,75	5,50		
1013	23695	Trần Ngọc Tài	13/06/2011	1,00		1,75		
1014	23728	Nguyễn Ngọc Bảo Thi	14/10/2011	5,25		2,75		
1015	23899	Lương Hà Thảo Vy	21/07/2011	4,75	2,75	4,25		
1016	24052	Trần Văn Hiếu	13/09/2011	6,00	2,25	2,00		
1017	24056	Nguyễn Minh Hòa	13/09/2011	2,00				
1018	24122	Nguyễn Anh Khoa	21/04/2011	2,25	1,25			
1019	24123	Nguyễn Anh Khoa	01/08/2011		3,00	5,50		
1020	24151	Lê Hoàng Trung Lâm	19/07/2011	2,75	2,00	5,25		
1021	24225	Trương Bảo Nam	23/04/2011	3,75	3,50	4,50		
1022	24272	Chế Văn Phương	08/10/2011	3,50	3,25	5,25		
1023	24288	Huỳnh Văn Minh Quân	10/09/2011	4,25	2,75			
1024	24442	Lê Thị Anh Thư	09/09/2011	5,25	2,50	2,00		
1025	24477	Phạm Đức Tính	05/03/2011	5,50	2,25	2,75		
1026	24515	Hồ Phan Bảo Trân	27/05/2011	5,00	1,75	2,50		
1027	24545	Nguyễn Thị Kim Trinh	09/08/2011	5,75	2,50	2,25		
1028	24581	Nguyễn Thanh Tú	28/09/2011	2,00				
1029	24585	Lê Minh Tuấn	12/05/2011	4,75	2,25	4,00		
1030	24625	Ngô Thanh Vân	11/11/2011		3,50	3,25		

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
1031	24751	Phan Nguyễn Quỳnh Anh	03/12/2011	5,25	2,00	3,00		
1032	24808	Lê Phi Thành Công	10/08/2011	5,50	1,00	3,25		
1033	24829	Ngô Văn Dũng	05/10/2011	4,75	2,00	2,75		
1034	24864	Nguyễn Thành Đạt	13/12/2011	4,50	1,00	2,75		
1035	24866	Phạm Hữu Quốc Đạt	12/09/2011		2,00	3,75		
1036	24949	Huỳnh Thị Thúy Hiền	19/12/2011	4,50	2,75			
1037	24965	Trần Văn Huy Hiệu	22/11/2011	4,75	3,75	2,25		
1038	25098	Trần Nguyên Khoa	10/10/2011	3,50				
1039	25102	Đinh Việt Đăng Khôi	30/08/2011	4,75	2,50			
1040	25124	Phạm Quang Tuấn Kiệt	02/05/2011	4,50	2,75	3,25		
1041	25390	Nguyễn Thanh Bảo Phúc	24/08/2011	3,25	4,25	3,25		
1042	25424	Nguyễn Nhật Luân	05/05/2011	3,50	2,00	3,75		
1043	25727	Trần Nguyễn Anh Thư	02/02/2011	4,00				
1044	25923	Nguyễn Đức Chính	12/02/2011	7,00	6,50			
1045	25961	Trương Thân Trần Đại	04/05/2011	4,50	2,75	3,00		
1046	25962	Hồ Cẩm Đào	17/10/2011	4,00	0,75	2,75		
1047	26036	Đinh Văn Quốc Huân	12/04/2011	2,25	0,25	7,00		
1048	26085	Nguyễn Công Khang	08/09/2011		1,75	2,75		
1049	26336	Phùng Trọng Tài	22/04/2011	3,00				
1050	26339	Đầu Vũ Quang Thanh	10/02/2011	4,75		3,75		
1051	26352	Nguyễn Thị Bích Thùy	11/01/2011	4,25				
1052	26438	Phạm Nguyễn Tấn Dũng	22/08/2011		5,00			

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
1053	26929	Mai Thanh Khoa	07/09/2011	4,25				
1054	27071	Nguyễn Ngọc Anh Thư	24/10/2011	2,75	1,75			
1055	27392	Phùng Lê Bảo An	01/06/2011				Tiếng Anh	4,15
1056	27394	Trần Ngọc Khánh An	13/12/2011				Tiếng Anh	4,20
1057	27397	Đào Nguyễn Quỳnh Anh	28/04/2011	7,25				
1058	27406	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	22/01/2011				Vật lí	3,75
1059	27423	Phan Gia Bảo	10/10/2011		6,75	8,25	Hoá học	4,63
1060	27436	Nguyễn Hoàng Ái Cơ	20/09/2011				Tin học	1,12
1061	27443	Nguyễn Công Trung Dũng	24/05/2011	7,25	5,00	8,75	Tiếng Anh	1,90
1062	27464	Nguyễn Ngọc Đạt	17/07/2011	6,25				
1063	27469	Huỳnh Gia Khải Đoan	28/02/2011		8,50	8,75		
1064	27473	Đỗ Huỳnh Ngọc Hà	02/06/2011		7,50		Vật lí	3,75
1065	27474	Nguyễn Thái Ngọc Hà	15/09/2011				Tiếng Anh	1,60
1066	27498	Nguyễn Trương Gia Hân	25/09/2011	8,00	9,00	8,00	Hoá học	3,25
1067	27512	Dương Tấn Duy Hòa	11/09/2011				Tin học	0,16
1068	27518	Huỳnh Đức Hoàng	14/10/2011				Tin học	1,44
1069	27541	Nguyễn Minh Huy	18/04/2011		6,50			
1070	27547	Trương Triều Huy	11/07/2011				Hoá học	4,38
1071	27548	Trương Văn Minh Huy	23/09/2011		8,50	9,00		
1072	27567	Thái Dư Nguyên Khang	17/11/2011	7,25	7,25		Tiếng Anh	2,50
1073	27572	Phạm Lê Khiêm	06/11/2011		7,25			
1074	27576	Lê Anh Khoa	22/03/2011	7,50			Vật lí	3,75

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
1075	27590	Ngô Nguyên Khôi	27/03/2011				Tin học	1,98
1076	27598	Trần Hữu Kiên	21/07/2011	7,75	8,75		Tiếng Anh	3,50
1077	27604	Nguyễn Hà Bảo Lâm	15/10/2011	6,25			Lịch sử	2,63
1078	27609	Đỗ Ngọc Uyên Linh	13/03/2011		6,50	6,50	Lịch sử	3,50
1079	27610	Huỳnh Khánh Linh	29/09/2011		7,75			
1080	27617	Nguyễn Hoàng Linh	24/08/2011				Hoá học	3,50
1081	27645	Trương Ngọc Gia Minh	01/12/2011	6,50	7,75	8,00	Hoá học	3,50
1082	27682	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	13/11/2011		7,75			
1083	27695	Nguyễn Ngọc Kim Nguyên	18/02/2011	7,25	8,75		Hoá học	3,38
1084	27703	Võ Hoàng Khải Nguyên	18/07/2011	6,75	8,50		Vật lí	3,75
1085	27738	Huỳnh Nguyên Phúc	09/02/2011		6,75		Tiếng Anh	5,35
1086	27739	Mai Phước Phúc	07/04/2011		5,75			
1087	27768	Phạm Trần Châu Gia Quý	24/04/2011		7,75	9,00	Hoá học	3,75
1088	27808	Nguyễn Ngọc Thịnh	13/09/2011				Tin học	1,20
1089	27809	Văn Công Thịnh	19/04/2011				Tiếng Anh	5,05
1090	27819	Lê Hoài Thư	11/05/2011		6,75		Hoá học	4,50
1091	27822	Võ Dương Anh Thư	16/07/2011				Lịch sử	4,13
1092	27844	Phan Ngọc Bảo Trâm	19/07/2011				Tiếng Anh	2,65
1093	27845	Tạ Quỳnh Trâm	02/01/2011		7,00		Tiếng Anh	4,20
1094	27853	Nguyễn Đức Trí	13/09/2011	6,00	8,50	8,00		
1095	27872	Trần Lê Hoàng Tú	04/04/2011		7,75		Vật lí	4,13
1096	27880	Trần Hoàng Tùng	30/07/2011				Tin học	2,40

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
1097	27889	Nguyễn Hoàn Phương Uyên	01/01/2011	7,00	8,00		Tiếng Anh	4,85
1098	27961	Phan Thị Ngọc Diệp	06/08/2011	8,25				
1099	27969	Huỳnh Bảo Duyên	16/10/2011		7,50		Ngữ văn	5,00
1100	27970	Lê Mỹ Kim Duyên	18/04/2011				Ngữ văn	5,00
1101	27976	Lê Thị Ánh Dương	17/08/2011				Toán	3,75
1102	27989	Nguyễn Ngọc Thu Giang	20/05/2011	6,00		7,50	Sinh học	4,88
1103	27996	Ngô Thị Nguyên Hà	05/07/2011				Địa lí	3,00
1104	27998	Nguyễn Viết Minh Hải	18/04/2011		8,50	9,25	Toán	2,75
1105	28002	Phạm Thị Thanh Hằng	16/09/2011				Ngữ văn	4,25
1106	28021	Phan Văn Hoàng	02/11/2011	7,50	9,00		Toán	4,00
1107	28027	Hà Nhật Huy	29/03/2011	7,50			Địa lí	5,00
1108	28032	Ngô Phú Anh Huy	08/03/2011	4,50			Toán	3,75
1109	28036	Nguyễn Lê Nhật Huy	25/07/2011		7,25		Địa lí	3,13
1110	28047	Phạm Ngọc Nam Kha	06/03/2011				Ngữ văn	4,00
1111	28053	Phạm Nguyên Khang	16/12/2011				Sinh học	5,25
1112	28057	Nguyễn Trần Bảo Khánh	12/07/2011	8,00		8,00	Ngữ văn	4,50
1113	28058	Phạm Huy Khánh	06/10/2011				Sinh học	5,63
1114	28087	Nguyễn Thục Khuê	09/09/2011	8,75			Ngữ văn	4,50
1115	28101	Phạm Thị Khánh Linh	01/02/2011				Ngữ văn	5,00
1116	28121	Đỗ Tuấn Minh	22/10/2011		8,75		Toán	3,75
1117	28122	Lê Nhật Minh	22/07/2011		6,00		Sinh học	3,38
1118	28124	Nguyễn Nhật Minh	15/01/2011				Toán	4,00

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
1119	28126	Trần Ngọc Bình Minh	25/04/2011				Ngữ văn	4,00
1120	28128	Võ Như Quang Minh	10/04/2011		8,00		Toán	3,25
1121	28146	Ngụy Như Hoài Ngân	20/08/2011	7,75				
1122	28154	La Tiểu Ngọc	19/02/2011		8,50		Ngữ văn	4,50
1123	28171	Nguyễn Ngọc Hải Nguyên	03/03/2011				Sinh học	5,38
1124	28180	Nguyễn Viết Thiện Nhân	05/11/2011	7,75			Toán	4,00
1125	28188	Đỗ Uyên Nhi	14/07/2011	8,00			Ngữ văn	5,50
1126	28193	Nguyễn Bảo Nhi	30/07/2011		5,75		Ngữ văn	4,75
1127	28202	Trần Linh Phương Nhi	14/01/2011				Ngữ văn	5,25
1128	28216	Huỳnh Văn Phát	23/01/2011				Toán	3,25
1129	28222	Dương Tấn Phúc	27/08/2011	6,25			Địa lí	4,13
1130	28235	Trần Châu Thảo Phương	20/03/2011				Ngữ văn	4,75
1131	28237	Lê Hoàng Quân	28/02/2011		8,75		Toán	3,25
1132	28254	Nguyễn Trường Sơn	09/04/2011		7,50	8,50	Toán	4,50
1133	28269	Nguyễn Đoan Thảo	25/03/2011				Ngữ văn	4,50
1134	28277	Nguyễn Gia Thiện	18/07/2011	7,75			Toán	3,75
1135	28289	Lê Thị Ngọc Thuyền	14/07/2011				Sinh học	4,13
1136	28330	Lê Thị Bảo Trân	24/10/2011		5,00		Địa lí	3,13
1137	28337	Nguyễn Đức Trí	02/02/2011	8,00	9,00	9,00	Toán	3,50
1138	28366	Phan Ngọc Nhã Uyên	09/06/2011	7,75			Ngữ văn	4,00
1139	28439	Nguyễn Trương Ngọc Thanh	12/12/2011	3,00	2,75	2,75		
1140	28476	Lê Khánh Thịnh	08/09/2011	4,25	1,50	5,00		

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
1141	28534	Nguyễn Anh Toàn	23/08/2011	5,50	6,25	4,25		
1142	28572	Huỳnh Minh Trí	07/02/2011	4,00	4,75	2,25		
1143	28574	Nguyễn Quốc Trí	21/08/2011	3,75	2,00			
1144	28594	Đào Thanh Trúc	11/06/2011	6,00				
1145	28624	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	20/12/2011		2,50	4,00		
1146	28653	Trần Phương Uyên	12/12/2011	5,25	1,50	4,00		
1147	28701	Lê Gia Vỹ	09/09/2011		1,50			
1148	28704	Trang Thị Xinh	05/12/2011	5,50	2,00	3,50		
1149	28716	Thái Gia Khánh	24/09/2011	5,00				
1150	28768	Trần Dương Khôi	02/09/2011	5,00	4,00	5,75		
1151	28826	Ngô Anh Long	19/02/2011		1,25	5,75		
1152	28834	Văn Trần Hoàng Long	03/06/2011	5,00	3,50			
1153	28840	Lê Thị Thanh Ly	20/07/2011	3,50	2,25	5,00		
1154	28881	Đặng Ngọc Bảo Ngân	14/04/2011	3,25	3,00	3,75		
1155	28930	Mai Hoàng Nguyên	25/06/2011	5,50	2,50	2,75		
1156	28980	Đỗ Thị Cẩm Nhung	23/08/2011	4,75	2,00	4,25		
1157	28985	Nguyễn Thị Tố Như	11/06/2011	4,25	3,25			
1158	29020	Trần Duy Phước	05/06/2011	4,75				
1159	29025	Lê Phùng Lan Phương	20/06/2011	5,00	2,00	4,75		
1160	29041	Lê Hoàng Quân	15/01/2011	6,25	4,25			
1161	29068	Nguyễn Trần Phong Anh	12/04/2011	5,50	3,75	5,25		
1162	29077	Bùi Đình Gia Bảo	27/09/2011	4,50				

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
1163	29084	Lưu Ngọc Bảo	02/02/2011		3,50			
1164	29142	Trần Hoàng Duy	29/12/2011	4,25	2,25	4,00		
1165	29177	Đỗ Lê Nhật Hào	18/09/2011	5,00	3,25			
1166	29188	Nguyễn Thị Ngọc Hân	04/12/2011	5,00	2,25	4,75		
1167	29220	Lê Văn Nhật Hoàng	14/10/2011	5,00		4,50		
1168	29222	Nguyễn Minh Hoàng	07/08/2011	5,50	1,00	2,50		
1169	29245	Lê Quốc Huy	25/07/2011	4,00	1,75	3,00		
1170	29250	Ngô Phan Nhật Huy	25/01/2011	4,50	1,25	4,75		
1171	29302	Võ Minh Kha	18/05/2011	4,50		4,50		
1172	29304	Nguyễn Quốc Khải	09/04/2011	2,75	3,00	5,00		
1173	29327	Trần Vĩnh Khang	20/05/2011	3,50	3,00	3,00		
1174	29352	Ngô Hoài Ân	07/09/2011		2,75	1,75		
1175	29360	Nguyễn Anh Bảo	20/07/2011	5,00	2,25	3,75		
1176	29376	Lê Hoài Bảo Châu	09/10/2011		3,75	3,25		
1177	29388	Võ Minh Dũng	01/12/2011		1,75	4,25		
1178	29433	Phạm Phú Hân	13/05/2011	4,50	3,50	3,00		
1179	29446	Đặng Ngọc Hiếu	08/10/2011	2,00	4,00	4,75		
1180	29464	Nguyễn Xuân Hoàng	05/11/2011	3,75	4,00	4,75		
1181	29484	Lê Trang Thanh Huyền	24/06/2011	3,75	3,75	3,25		
1182	29498	Huỳnh Trọng Khang	21/10/2011	5,75	5,00	1,75		
1183	29504	Phạm Lê Khanh	06/09/2011	4,50	2,00	4,75		
1184	29546	Hồ Chi Mai	20/12/2011	5,25	0,50	7,25		

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
1185	29570	Trần Đặng Bảo Ngân	18/05/2011	4,50	1,75	4,50		
1186	29583	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	01/04/2011	4,75	2,00	4,25		
1187	29596	Trần Khôi Nguyên	17/03/2011	4,50	2,50	4,00		
1188	29609	Lê Phương Uyên Nhi	02/07/2011	6,00	4,50	5,50		
1189	29664	Trần Duy Qúy	19/09/2011	4,00	4,75	2,75		
1190	29675	Trần Tấn Sang	11/12/2011	4,00	2,00			
1191	29688	Đỗ Nhật Tân	02/01/2011	3,50	3,50	3,75		
1192	29692	Nguyễn Văn Thành	07/07/2011		2,00	3,50		
1193	29723	Lê Uyên Thư	24/09/2011	4,25	4,50	3,50		
1194	29776	Nguyễn Lê Thanh Tùng	13/08/2011	3,50	2,00	4,25		
1195	29781	Lê Phương Uyên	01/11/2011	4,25	3,75	3,00		
1196	29799	Huỳnh Thị Thảo Vy	25/02/2011	6,25				
1197	29929	Coor Thiên Quân	01/02/2011		5,00			
1198	30350	Tơ Ngôl Thị Ngọc Tuyết	14/05/2011			3,50		
1199	30691	Hồ Văn Hít	06/03/2010			0,00		
1200	31005	Nguyễn Hữu Chương	24/08/2011	2,50	0,50	2,75		
1201	31121	Lương Hà Công Đạt	21/08/2011	2,75				
1202	31207	Võ Ngọc Hào	25/04/2011	3,00				
1203	31310	Phan Hữu Hoàng	05/12/2011	1,50	2,25	1,75		
1204	31366	Phạm Trần Gia Huy	21/02/2011		7,50	7,75		
1205	31476	Phạm Lê Huy Khánh	09/09/2011	2,75	0,75	2,50		
1206	31489	Nguyễn Đăng Khoa	10/07/2011	4,00	0,50	1,50		

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
1207	31616	Trần Thị Khánh Ly	16/12/2011	2,00	1,25	1,75		
1208	31660	Nguyễn Thị Thảo My	30/06/2011	3,25				
1209	31674	Dương Thị Hoàng Mỹ	24/01/2011	2,50	0,50	2,00		
1210	31830	Nguyễn Thanh Nhân	28/08/2011	2,50	1,25	2,00		
1211	32056	Lê Hoàng Kiều Trinh	22/09/2011	1,75				
1212	32070	Huỳnh Thị Thiên Trúc	22/08/2011		0,25			
1213	32101	Lương Thị Tú	14/04/2011	3,00				
1214	32102	Ngô Văn Tú	23/02/2011	1,25	0,75			
1215	32125	Nguyễn Mạnh Tường	18/09/2011	2,25	0,25	1,75		
1216	32196	Ngô Hồng Minh Xuân	20/03/2011	1,25	0,25	4,75		
1217	32342	Trần Tấn Tài	22/05/2011	4,00	0,75	1,50		
1218	32429	Châu Ngọc Thiện	05/03/2011		4,75			
1219	32860	Đặng Viết Phú	17/04/2011	1,50	0,75	1,25		
1220	33050	Nguyễn Lê Bảo Trâm	27/12/2011	4,25	0,75	1,50		
1221	33926	Trương Hoài Mi	28/10/2011	5,75				
1222	33992	Đoàn Văn Phú Quốc	21/03/2011		3,25			
1223	34206	Hồ Thanh Hoàng	29/05/2011	1,00	0,25			
1224	34242	Hồ Thanh Khải	04/03/2011	0,75				
1225	34423	Hồ Văn Thác	24/03/2011	1,00				
1226	34484	Hồ Văn Tri	17/05/2011	0,25	0,25			
1227	34491	A Phú Trọng	19/09/2011		0,25			
1228	34505	Hồ Thanh Tùng	04/07/2011	0,75		1,50		

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
1229	34507	Hồ Văn Tùng	01/12/2011	1,00	0,25			
1230	34653	Đoàn Nguyễn Hồng Khoa	09/05/2011	0,75	0,00			
1231	34680	Trịnh Doãn Việt Linh	22/09/2011		4,75			
1232	34901	Đỗ Huỳnh Hoàng Yến	03/10/2011		5,50			
1233	36099	Hà Vân Anh	10/09/2011				Hoá học	4,00
1234	36103	Ngô Bảo Anh	20/10/2011	7,00			Địa lí	5,13
1235	36104	Nguyễn Bảo Trâm Anh	21/02/2011	7,00	5,00	6,75		
1236	36122	Ngô Gia Bách	13/01/2011				Tin học	0,86
1237	36127	Nguyễn Gia Bảo	23/07/2011				Lịch sử	2,75
1238	36129	Nguyễn Lê Hoài Bảo	30/08/2011				Hoá học	4,13
1239	36142	Trương Ngọc Bảo Châu	05/08/2011				Sinh học	3,88
1240	36151	Trần Minh Hoàng Diễm	25/08/2011		6,75		Hoá học	4,38
1241	36158	Nguyễn Thị Phương Dung	01/01/2011				Hoá học	2,25
1242	36169	Đoàn Phan Hà Duyên	25/10/2011				Sinh học	4,25
1243	36171	Hồ Thị Hồng Duyên	13/03/2011	7,25		8,25		
1244	36174	Trần Thị Thuỳ Duyên	09/01/2011				Lịch sử	3,88
1245	36179	Lê Võ Thùy Dương	07/06/2011	7,75			Ngữ văn	4,00
1246	36195	Văn Công Đức	27/03/2011				Tin học	2,70
1247	36196	Châu Nguyễn Thanh Giang	20/12/2011	7,00	6,25	6,00		
1248	36200	Mai Phạm Nhật Giang	12/06/2011			7,75	Lịch sử	3,50
1249	36217	Đỗ Gia Hân	08/06/2011	6,50			Lịch sử	4,75
1250	36253	Đặng Anh Minh Hoàng	23/07/2011		7,00	4,75	Hoá học	2,88

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
1251	36270	Nguyễn Gia Huy	07/09/2011	6,00	6,25	8,75	Hoá học	4,00
1252	36301	Trần Xuân An Khang	23/10/2011				Hoá học	4,25
1253	36307	Đoàn Huỳnh Đăng Khoa	26/08/2011		5,25		Địa lí	4,50
1254	36316	Trần Bá Anh Khoa	15/06/2011				Tin học	0,10
1255	36323	Trương Thị Mai Khôi	16/11/2011				Địa lí	5,25
1256	36338	Hồ Thị Mỹ Linh	26/07/2011	6,50			Địa lí	5,50
1257	36346	Thủy Hoàng Linh	29/03/2011				Sinh học	5,00
1258	36355	Huỳnh Trần Ly Ly	27/06/2011				Sinh học	5,50
1259	36369	Nguyễn Trương Quỳnh My	15/10/2011				Ngữ văn	2,75
1260	36378	Nguyễn Thị Thanh Nga	22/09/2011				Ngữ văn	4,75
1261	36389	Phạm Thúy Ngân	25/01/2011				Hoá học	3,25
1262	36394	Dương Thị Như Ngọc	13/08/2011	7,50			Sinh học	4,75
1263	36398	Nguyễn Hà Bảo Ngọc	30/01/2011	7,00			Hoá học	4,25
1264	36400	Nguyễn Lê Bảo Ngọc	02/04/2011	6,75				
1265	36410	Nguyễn Đắc Nguyên	30/06/2011				Địa lí	4,88
1266	36411	Nguyễn Hạnh Nguyên	09/02/2011				Ngữ văn	4,50
1267	36420	Nguyễn Phúc Nhân	23/04/2011				Hoá học	4,63
1268	36424	Bùi Bảo Nhi	13/07/2011				Ngữ văn	3,50
1269	36428	Huỳnh Tuyết Nhi	21/02/2011	6,50			Địa lí	5,25
1270	36430	Lê Nguyễn Yến Nhi	13/04/2011				Ngữ văn	3,75
1271	36460	Nguyễn Thị Khánh Ny	11/01/2011	8,00			Ngữ văn	5,00
1272	36463	Nguyễn Kim Oanh	10/04/2011				Sinh học	3,25

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
1273	36475	Vũ Thiên Phúc	17/11/2011				Địa lí	4,63
1274	36487	Đỗ Hồng Quân	11/04/2011	6,50		5,75		
1275	36493	Lê Thị Bảo Quyên	23/02/2011	5,75	7,50			
1276	36509	Tạ San San	09/01/2011	6,50			Ngữ văn	4,25
1277	36527	Lê Thị Phương Thảo	04/03/2011	6,50			Địa lí	5,25
1278	36541	Tạ Minh Thiện	28/08/2011				Hoá học	4,00
1279	36554	Lê Vũ Minh Thư	15/01/2011		6,50	8,25	Ngữ văn	5,50
1280	36559	Nguyễn Hồ Song Thư	08/07/2011				Sinh học	4,38
1281	36565	Phạm Hồng Anh Thư	01/01/2011	6,75				
1282	36568	Trần Thị Anh Thư	06/05/2011				Ngữ văn	4,50
1283	36572	Phạm Hoàng Bảo Thy	05/03/2011				Địa lí	5,00
1284	36576	Đinh Thị Thủy Tiên	12/07/2011				Ngữ văn	4,25
1285	36596	Huỳnh Trần Bảo Trâm	15/04/2011				Lịch sử	3,25
1286	36604	Hồ Ngọc Bảo Trân	10/02/2011	8,00	2,75			
1287	36615	Trương Ngọc Trân	08/02/2011				Hoá học	3,25
1288	36628	Huỳnh Tấn Trung	16/05/2011		7,75	8,25	Hoá học	3,13
1289	36638	Lê Quang Tùng	20/04/2011				Sinh học	4,75
1290	36639	Nguyễn Thanh Tùng	27/07/2011	5,00	6,25	8,00		
1291	36653	Nguyễn Thị Bảo Uyên	19/01/2011				Ngữ văn	5,00
1292	36668	Nguyễn Hồ Thảo Vy	01/11/2011				Ngữ văn	4,75
1293	36684	Nguyễn Lê Thu An	08/10/2011				Tiếng Anh	3,40

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
1294	36706	Trần Gia Bảo	30/05/2011				Vật lí	2,75
1295	36761	Nguyễn Lê Khánh Giang	23/02/2011				Tiếng Anh	3,30
1296	36766	Huỳnh Gia Hân	08/07/2011	7,75			Tiếng Anh	3,15
1297	36769	Phạm Gia Hân	26/12/2011				Tiếng Anh	3,55
1298	36782	Bùi Lê Hoàng	10/02/2011				Vật lí	2,38
1299	36785	Nguyễn Tiến Hùng	16/02/2011				Toán	3,50
1300	36809	Trần Hưng	25/03/2011	7,75			Toán	3,75
1301	36813	Nguyễn Quỳnh Hương	04/09/2011				Tiếng Anh	3,65
1302	36817	Phan Lê Đức Hy	24/01/2011		8,25		Toán	3,25
1303	36822	Trần Tấn Khải	21/04/2011	5,75				
1304	36833	Nguyễn Nguyên Khiêm	16/10/2011	6,50	8,50		Vật lí	4,88
1305	36868	Đoàn Phương Linh	24/07/2011				Toán	3,00
1306	36881	Nguyễn Minh Lộc	17/12/2011				Vật lí	3,88
1307	36909	Nguyễn Thanh Nam	14/11/2011			7,25	Tin học	1,34
1308	36912	Kiều Thị Bích Nga	22/08/2011				Toán	3,25
1309	36924	Trần Lê Ngân	11/10/2011	7,50	7,00		Tiếng Anh	3,15
1310	36928	Trương Công Nghĩa	25/01/2011				Toán	3,25
1311	36929	Hà Đắc Nghiêm	07/02/2011		7,50		Toán	4,25
1312	36932	Nguyễn Triệu Ngọc	19/07/2011				Tin học	0,00
1313	36943	Phạm Hoàng Nguyên	03/09/2011	7,50	8,50	9,75	Toán	3,25
1314	36948	Nguyễn Lê Nguyễn	25/02/2011				Tiếng Anh	2,85

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
1315	36958	Huỳnh Đức Minh Nhật	08/03/2011				Toán	3,25
1316	36980	Lương Thanh Phong	03/07/2011				Toán	3,25
1317	36984	Võ Duy Gia Phú	22/06/2011				Vật lí	4,63
1318	36992	Võ Duy Phúc	29/06/2011	6,00			Toán	3,25
1319	36996	Lại Huỳnh Thế Phước	12/02/2011				Tin học	0,46
1320	36997	Nguyễn Văn Phước	12/03/2011	5,50				
1321	37030	Nguyễn Công Thiện	26/06/2011	6,50	6,75			
1322	37035	Phan Hùng Thịnh	20/07/2011				Tin học	1,24
1323	37043	Nguyễn Thị Anh Thư	26/01/2011	7,75	7,25	9,75	Tiếng Anh	4,35
1324	37053	Nguyễn Thị Thủy Tiên	18/11/2011				Toán	4,25
1325	37063	Lê Bảo Trâm	07/03/2011	7,25				
1326	37077	Phan Nguyễn Bảo Trân	24/06/2011	7,50			Tiếng Anh	3,20
1327	37099	Nguyễn Quốc Trưởng	02/09/2011				Tin học	0,60
1328	37133	Trần Văn Công Vinh	15/09/2011				Tiếng Anh	3,00
1329	37136	Ninh Thức Vũ	27/06/2011	7,75	8,00	8,75	Vật lí	4,25
1330	37150	Trương Quân Nghĩa	26/06/2011	5,00	5,50			
1331	37266	Nguyễn Ngọc Bảo Nhi	27/10/2011	6,25				
1332	37268	Nguyễn Thị Uyển Nhi	01/11/2011	4,50	1,50			
1333	37293	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	27/11/2011	2,50				
1334	37365	Phạm Nguyễn Thiên Phúc	19/05/2011	5,50				
1335	37390	Đỗ Huỳnh Quang	10/02/2011	4,25	1,50	3,75		

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
1336	37410	Nguyễn Anh Quân	14/05/2011	5,50				
1337	37526	Hoàng Hương Thảo	08/07/2011	5,50				
1338	37581	Nguyễn Trịnh Quốc Thuyên	21/11/2011	5,50	5,25	8,50		
1339	37792	Trình Công Tuấn Tú	25/02/2011		6,50	7,75		
1340	37832	Nguyễn Võ Phương Uyên	01/10/2011	2,25	1,75			
1341	37837	Võ Huỳnh Phương Uyên	16/03/2011	6,50	6,00			
1342	37846	Nguyễn Thị Thúy Vi	17/08/2011	6,25		5,00		
1343	37881	Võ Phong Vũ	07/04/2011	6,25	5,25			
1344	37970	Trần Lê Thảo Huyền	01/04/2011		7,75			
1345	38156	Nguyễn Nhật Khánh Linh	06/08/2011	4,00				
1346	38191	Phạm Hoàng Gia Long	23/05/2011	4,00				
1347	38298	Nguyễn Thị Kim Ngân	29/11/2011	3,00	2,25	4,25		
1348	38347	Lê Đức Anh	02/08/2011		2,00			
1349	38383	Đặng Ngọc Duy Bảo	11/11/2011	5,75				
1350	38391	Lê Phan Gia Bảo	26/09/2011	3,25	2,50	4,00		
1351	38398	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	05/03/2011	5,25				
1352	38410	Nguyễn Thế Gia Bảo	02/09/2011	3,75	3,00	3,00		
1353	38413	Nguyễn Văn Gia Bảo	06/10/2011	4,25		4,00		
1354	38552	Đào Nguyễn Quốc Đạt	29/09/2011	3,25	2,25	3,50		
1355	38658	Võ Lý Gia Hân	12/12/2011	5,00	4,00			
1356	38715	Trần Minh Hoàng	26/01/2011	7,00	7,75	5,25		

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Điểm môn chung			Môn chuyên	
				Ngữ văn	*Toán*	*Ngoại ngữ*	*Tên môn*	*Điểm*
1357	41861	Trần Bảo Châu	19/12/2011	6,25				
1358	42342	Võ Phan Đình Tính	12/05/2011		6,50			

Danh sách này có 1.358 thí sinh./.